BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 366./ QĐ-ĐHĐL

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng Khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2020-2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Quyết định số 4010/QĐ-BCT ngày 06/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HĐT ngày 01/10/2019 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-HĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1006/QĐ-ĐHĐL ngày 03/11/2021 về việc giao kế hoạch cấp học bổng cho sinh viên hệ chính quy năm học 2020-2021;

Căn cứ Biên bản họp xét học bổng KKHT cho sinh viên học kỳ II năm học 2020-2021 số 396/BB-ĐHĐL ngày 22/03/2022;

Xét theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2020 -2021 cho 738 sinh viên (*Có danh sách kèm theo*) với tổng số tiền là 6.050.700.00 đồng *(Bằng chữ: Sáu tỷ, không trăm năm mươi triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn).*

Điều 2. Phòng KHTC phối hợp phòng CTSV để chi trả tiền học bổng KKHT cho sinh viên.

Điều 3. Các Trưởng phòng: CTSV, ĐT, KHTC và những sinh viên có tên trong danh sách ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- BGH (để biết);
- Như điều 3;
- Đăng Website;
- Lưu VT, CTSV, Hoàng TT (03).

Q. HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Đinh Văn Châu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020-2021

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
1	1781410023	Đặng Hùng	Mạnh	28/09/1999	D12CNTD	3.32	87		Giỏi	17	17	8,525,000	
2	1781410128	Tăng Thị Như	Quỳnh	20/09/1999	CLC.D12CNTD	3.12	89		Khá	17	17	7,975,000	
3	1781410031	Hà Bách	Thịnh	31/01/1999	D12CNTD	2.94	86		Khá	17	17	7,975,000	
4	1781420106	Trần Minh	Đạt	05/05/1998	D12DCN&DD	3.78	82		Giỏi	20	17	8,525,000	
5	1781420014	Nguyễn Hà	Giang	24/07/1999	D12DCN&DD	3.71	93		Xuất sắc	17	17	9,125,000	
6	1781420002	Vũ Khắc	Bình	18/09/1995	D12DCN&DD	3.71	83		Giỏi	17	17	8,525,000	
7	1781420128	Nguyễn Minh	Phước	02/03/1999	D12DCN&DD	3.68	83		Giỏi	17	17	8,525,000	
8	1781420123	Lê Văn	Minh	03/07/1999	D12DCN&DD	3.53	85		Giỏi	17	17	8,525,000	
9	1781420022	Nguyễn Văn	Lâm	13/01/1999	D12DCN&DD	3.5	84		Giỏi	18	17	8,525,000	
10	1781420115	Đào Văn	Hiếu	20/07/1999	D12DCN&DD	3.5	87		Giỏi	17	17	8,525,000	
11	1781510061	Nguyễn Hà	Phương	14/11/1999	D12DTVT	3.81	80		Giỏi	18	17	8,525,000	
12	1781510117	Cù Huy	Quang	06/06/1999	CLC.D12DTVT	3.53	81		Giỏi	17	17	8,525,000	
13	1781510064	Hồ Minh	Quang	18/06/1999	D12DTVT	3.5	75		Khá	18	17	7,975,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
14	1781510003	Trần Hạnh	Ngân	16/11/1998	D12DTVT	3.47	80		Giỏi	18	17	8,525,000	
15	1781510120	Nguyễn Quang	Tùng	09/08/1999	CLC.D12DTVT	3.41	82		Giỏi	17	17	8,525,000	
16	1781510002	Đỗ Hữu	Hùng	02/12/1999	D12DTVT	3.31	73		Khá	18	17	7,975,000	
17	1781110180	Nguyễn Long	Đạt	01/02/1999	D12H2	3.95	82		Giỏi	22	19	8,525,000	
18	1781110220	Vũ Quang	Huy	26/01/1999	CLC.D12H	3.91	91		Xuất sắc	32	19	9,125,000	
19	1781110163	Trần Hữu	Thơm	20/12/1999	D12H2	3.84	80		Giỏi	19	19	8,525,000	
20	1781110023	Nguyễn Phúc	Duyệt	11/09/1995	D12H1	3.82	85		Giỏi	19	19	8,525,000	
21	1781110178	Đào Ngọc	Thức	27/07/1999	D12H2	3.79	81		Giỏi	19	19	8,525,000	
22	1781110174	Lê Tấn	Vũ	30/12/1999	D12H2	3.71	87		Giỏi	19	19	8,525,000	
23	1781110145	Phạm Khắc	Kiên	13/06/1999	D12H2	3.68	82		Giỏi	19	19	8,525,000	
24	1781110138	Nguyễn Thị	Huệ	13/05/1999	D12H2	3.63	90		Xuất sắc	19	19	9,125,000	
25	1781110167	Nguyễn Xuân	Trường	12/09/1999	D12H2	3.62	81		Giỏi	21	19	8,525,000	
26	1781110131	Lê Minh	Hiếu	27/07/1999	D12H2	3.58	82		Giỏi	25	19	8,525,000	
27	1781110035	Nguyễn Đức	Hoàn	09/08/1999	D12H1	3.55	86		Giỏi	19	19	8,525,000	
28	1781110150	Nguyễn Thành	Nam	07/02/1999	D12H2	3.53	85		Giỏi	19	19	8,525,000	
29	1781810146	Trần Thị Thùy	Linh	23/03/1999	D12KTDN2	4	97		Xuất sắc	14	14	8,150,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
30	1781810119	Tạ Thu	Hà	09/12/1999	D12KTDN2	4	97		Xuất sắc	14	14	8,150,000	
31	1781810113	Nguyễn Thị Thùy	Dung	07/04/1999	D12KTDN2	4	93		Xuất sắc	14	14	8,150,000	
32	1781810011	Nguyễn Thị Kim	Chi	22/08/1999	D12KTDN1	4	92		Xuất sắc	14	14	8,150,000	
33	1781810174	Lê Thị Thủy	Tiên	11/06/1998	D12KTDN2	4	91		Xuất sắc	14	14	8,150,000	
34	1781810165	Nguyễn Thị	Thắm	04/01/1999	D12KTDN2	4	88		Giỏi	14	14	7,650,000	
35	1781810120	Vũ Thị Ngân	Hà	12/10/1999	D12KTDN2	4	88		Giỏi	14	14	7,650,000	
36	1781810171	Đặng Thị	Thu	24/06/1999	D12KTDN2	4	88		Giỏi	14	14	7,650,000	
37	1781810109	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	01/04/1999	D12KTDN2	4	88		Giỏi	14	14	7,650,000	
38	1781810184	Nguyễn Hải	Yến	02/03/1999	D12KTDN2	4	87		Giỏi	14	14	7,650,000	
39	1781810123	Trần Thị Thúy	Hằng	19/02/1998	D12KTDN2	4	87		Giỏi	14	14	7,650,000	
40	1781810132	Trần Thu	Huệ	12/11/1999	D12KTDN2	4	87		Giỏi	14	14	7,650,000	
41	1781820044	Nguyễn Hồng	Nhung	28/05/1999	D12TCDN	4	93		Xuất sắc	14	14	8,150,000	
42	1781820028	Nguyễn Trung	Kiên	14/07/1997	D12TCDN	4	85		Giỏi	14	14	7,650,000	
43	1781820015	Đinh Lê Phương	Hà	08/03/1999	D12TCDN	4	85		Giỏi	14	14	7,650,000	
44	1781820070	Đặng Thị Ngọc	Huyền	08/06/1999	D12TCDN	4	84	3.20	Giỏi	14	14	7,650,000	
45	1781820030	Bùi Thị Khánh	Linh	09/12/1999	D12TCDN	4	84	3.10	Giỏi	14	14	7,650,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
46	1781720043	Lại Đức	Trung	28/01/1999	D12QTDLKS	4	80	3.57	Giỏi	14	14	7,650,000	
47	1781720041	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/04/1998	D12QTDLKS	4	80	3.18	Giỏi	14	14	7,650,000	
48	1781720007	Nguyễn Thị	Chinh	17/07/1999	D12QTDLKS	4	80	3.14	Giỏi	14	14	7,650,000	
49	1781720049	Đỗ Thị	Trang	08/06/1998	D12QTDLKS	4	80	3.12	Giỏi	14	14	7,650,000	
50	1781710019	Mai Hoàng	Hải	20/10/1999	D12QTDN	4	91		Xuất sắc	14	14	8,150,000	
51	1781710015	Nguyễn Văn	Duy	06/12/1999	D12QTDN	4	90		Xuất sắc	14	14	8,150,000	
52	1781710057	Vũ Thị Thu	Hiền	11/09/1999	D12QTDN	4	90		Xuất sắc	14	14	8,150,000	
53	1781610024	Kiều Văn	Hiển	15/03/1999	D12CNCTM	3.26	84		Giỏi	19	17	8,525,000	
54	1781610067	Trương Văn	Thắng	26/07/1999	D12CNCTM	3.24	85		Giỏi	17	17	8,525,000	
55	1781610003	Nguyễn Văn	Công	22/04/1999	D12CNCTM	3.13	85		Khá	20	17	7,975,000	
56	1781610034	Phạm Đăng	Huy	22/09/1999	D12CNCTM	3.03	86		Khá	17	17	7,975,000	
57	1781610064	Nguyễn Hoàng	Vĩnh	18/11/1999	D12CNCTM	2.97	85		Khá	17	17	7,975,000	
58	1781610053	Phạm Tiến	Thành	01/02/1999	D12CNCTM	2.97	85		Khá	17	17	7,975,000	
59	1781310073	Nguyễn Thị	Thùy	29/08/1999	D12CNPM1	4	97		Xuất sắc	13	13	9,125,000	
60	1781310183	Đinh Doãn	Việt	01/02/1999	D12CNPM2	4	94		Xuất sắc	13	13	9,125,000	
61	1781310045	Quách Ngọc	Lân	05/04/1999	D12CNPM1	4	92		Xuất sắc	13	13	9,125,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
62	1781310069	Cù Thị Phương	Thảo	10/10/1999	D12CNPM1	4	92		Xuất sắc	14	13	9,125,000	
63	1781310017	Lê Trung	Cương	07/05/1999	D12CNPM1	4	92		Xuất sắc	13	13	9,125,000	
64	1781310040	Nguyễn Đức	Kiên	01/08/1999	D12CNPM1	4	91		Xuất sắc	13	13	9,125,000	
65	1781310004	Nguyễn Hoàng	Anh	06/04/1999	D12CNPM1	4	90		Xuất sắc	13	13	9,125,000	
66	1781310029	Ngô Thế	Hải	17/07/1999	D12CNPM1	4	90		Xuất sắc	13	13	9,125,000	
67	1781310060	Nguyễn Bích	Ngọc	17/04/1999	D12CNPM1	4	89		Giỏi	13	13	8,525,000	
68	1781310022	Nguyễn Tấn	Đông	07/01/1995	D12CNPM1	4	87		Giỏi	13	13	8,525,000	
69	1781310158	Hà Phương	Nam	16/08/1999	D12CNPM2	4	85		Giỏi	13	13	8,525,000	
70	1781310163	Nguyễn Đức	Phú	19/08/1999	D12CNPM2	4	85		Giỏi	13	13	8,525,000	
71	1781620087	Nguyễn Duy	Thành	23/11/1999	D12CODT1	3.91	95		Xuất sắc	16	16	9,125,000	
72	1781620082	Đỗ Văn	Thắng	14/08/1999	D12CODT2	3.81	87		Giỏi	16	16	8,525,000	
73	1781620104	Lê Văn	Tuyên	21/03/1999	D12CODT2	3.72	82		Giỏi	16	16	8,525,000	
74	1781620072	Đặng Văn	Phúc	24/12/1999	D12CODT2	3.63	81		Giỏi	16	16	8,525,000	
75	1781620012	Trịnh Văn	Chiều	23/09/1999	D12CODT2	3.63	84		Giỏi	16	16	8,525,000	
76	1781620062	Cao Đăng	Long	22/09/1999	D12CODT2	3.56	83		Giỏi	16	16	8,525,000	
77	1781620066	Nguyễn Văn	Minh	28/09/1999	D12CODT2	3.56	83		Giỏi	16	16	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
78	1781620086	Hoàng Công	Thành	26/07/1999	D12CODT2	3.53	84		Giỏi	16	16	8,525,000	
79	1781940001	Đặng Đức	Anh	14/07/1999	D12DIENLANH	3.89	87		Giỏi	18	18	8,525,000	
80	1781940005	Lê Hoàng	Chiến	06/07/1999	D12DIENLANH	3.86	82		Giỏi	18	18	8,525,000	
81	1781940006	Nguyễn Đình	Đức	14/10/1999	D12DIENLANH	3.75	85		Giỏi	18	18	8,525,000	
82	1781510219	Nguyễn Thị	Hồng	26/02/1999	D12KTDT	3.79	85		Giỏi	19	19	8,525,000	
83	1781510207	Thân Thị	Định	08/04/1999	D12KTDT	3.61	81		Giỏi	19	19	8,525,000	
84	1781510226	Nguyễn Trọng	Linh	19/09/1999	D12KTDT	3.37	78		Khá	19	19	7,975,000	
85	1781510244	Hoàng	Quyết	06/10/1999	D12KTDT	3.24	78		Khá	19	19	7,975,000	
86	1781910003	Phạm Hữu	Long	11/10/1999	D12NHIET	3.56	78		Khá	17	17	7,975,000	
87	1781640013	Võ Minh	Nam	17/11/1999	D12QLDA&CTD	4	83		Giỏi	20	20	8,525,000	
88	1781820033	Nguyễn Thùy	Linh	24/09/1999	D12QLNL	3.16	83		Khá	19	19	7,975,000	
89	1781210037	Vũ Hồng	Vân	29/12/1999	D12QLNL	2.86	83		Khá	22	19	7,975,000	
90	1781210023	Đoàn Thế	Phong	29/07/1999	D12QLNL	2.82	88		Khá	19	19	7,975,000	
91	1781320004	Nguyễn Khắc	Đồng	22/07/1999	D12QTANM	4	100	3.56	Xuất sắc	13	13	9,125,000	
92	1781320028	Lê Thị	Thủy	21/04/1999	D12QTANM	4	100	3.36	Xuất sắc	13	13	9,125,000	
93	1781510305	Nguyễn Việt	Hoàng	23/08/1999	D12TBDTYT	3.26	84		Giỏi	19	19	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
94	1781410382	Nguyễn Xuân	Lộc	30/03/1998	D12TDH&DK1	3.76	90		Xuất sắc	27	16	9,125,000	
95	1781410036	Trần Hoàng	Lâm	30/04/1999	D12TDH&DK1	3.37	87		Giỏi	23	16	8,525,000	
96	1781410312	Cù Ngọc	Đại	11/06/1996	D12TDH&DK1	3.37	98		Giỏi	19	16	8,525,000	
97	1781410411	Bùi Đức	Cường	11/12/1999	D12TDH&DK2	3.33	81		Giỏi	18	16	8,525,000	
98	1781410310	Đỗ Đức	Chính	02/06/1999	D12TDH&DK1	3.27	83		Giỏi	22	16	8,525,000	
99	1781410322	Nguyễn Nghiêm	Đức	28/03/1999	D12TDH&DK1	3.1	85		Khá	20	16	7,975,000	
100	1781410314	Phạm Văn	Danh	23/09/1999	D12TDH&DK1	3.09	81		Khá	16	16	7,975,000	
101	1781410330	Đinh Quốc	Hiếu	25/09/1999	D12TDH&DK1	3.09	81		Khá	17	16	7,975,000	
102	1781410470	Ngô Quang	Thủy	09/07/1999	D12TDH&DK2	3.08	82		Khá	19	16	7,975,000	
103	1781410313	Nguyễn Viết Hải	Đăng	20/11/1999	D12TDH&DK1	3.08	76		Khá	20	16	7,975,000	
104	1781410442	Phạm Lê Quốc	Hữu	30/10/1999	D12TDH&DK2	3.06	84		Khá	16	16	7,975,000	
105	1781410341	Vũ Khải	Hưng	03/08/1999	D12TDH&DK1	3.02	83		Khá	21	16	7,975,000	
106	1781410427	Lê Văn	Hải	11/02/1999	D12TDH&DK2	3	83		Khá	18	16	7,975,000	
107	1781330036	Ngô Thị	Ngọc	28/11/1999	D12TMDT	4	97		Xuất sắc	13	13	9,125,000	
108	1781330016	Lê Thị Thúy	Hiền	13/09/1999	D12TMDT	4	90		Xuất sắc	13	13	9,125,000	
109	1781330007	Chu Minh	Cúc	28/12/1999	D12TMDT	4	90		Xuất sắc	13	13	9,125,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
110	1781330024	Phí Thị Vi	Huyền	11/01/1999	D12TMDT	4	89		Giỏi	13	13	8,525,000	
111	1781630010	Đặng Văn	Huấn	18/08/1999	D12XDCTD	3.92	84		Giỏi	18	18	8,525,000	
112	1781630021	Nguyễn Văn	Sướng	15/08/1999	D12XDCTD	3.66	90		Xuất sắc	22	18	9,125,000	
113	1781650010	Vương Ngọc	Hiền	30/01/1999	D12XDDD&CN	3.33	80		Giỏi	21	19	8,525,000	
114	1781830005	Lưu Hoàng	Hà	28/12/1999	D12KTTC&KS	4	92		Xuất sắc	14	14	9,125,000	
115	1781830003	Trần Tiến	Đạt	08/06/1999	D12KTTC&KS	4	91		Xuất sắc	14	14	9,125,000	
116	18810410232	Đỗ Đức	Hải	25/10/2000	D13CNKTDK	3.33	81		Giỏi	18	18	8,525,000	
117	18810410220	Nguyễn Đình	Sơn	07/06/2000	D13CNKTDK	3.19	75		Khá	21	18	7,975,000	
118	18810410207	Nguyễn Thị Thu	Hà	31/03/2000	D13CNKTDK	3.12	82		Khá	21	18	7,975,000	
119	18810410108	Đoàn Việt	Giang	05/06/2000	D13CNKTDK	3.11	85		Khá	18	18	7,975,000	
120	18810000020	Tạ Đình	Thành	20/03/2000	CLC.D13CNKTDK	3.03	91		Khá	18	18	7,975,000	
121	18810000014	Nguyễn Tuấn	Anh	16/02/2000	CLC.D13CNKTDK	2.97	82		Khá	18	18	7,975,000	
122	18810410247	Trần Minh	Trọng	28/05/2000	D13CNKTDK	2.92	79		Khá	18	18	7,975,000	
123	18810160038	Hoàng Kiên	Cường	09/12/2000	D13H3	3.82	94		Xuất sắc	17	17	9,125,000	
124	18810110128	Mai Xuân	Minh	24/01/2000	D13H1	3.76	93		Xuất sắc	17	17	9,125,000	
125	18810110181	Phạm Trung	Hiếu	16/11/2000	D13H2	3.62	82		Giỏi	17	17	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
126	18810110119	Trần Văn	Thắng	25/11/2000	D13H3	3.61	81		Giỏi	18	17	8,525,000	
127	18810170170	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	10/07/2000	D13H3	3.56	87		Giỏi	17	17	8,525,000	
128	18810110124	Lê Quang	Long	14/08/2000	D13H1	3.56	80		Giỏi	17	17	8,525,000	
129	18810110075	Nguyễn Thành	Lộc	04/06/2000	D13H1	3.56	82		Giỏi	17	17	8,525,000	
130	18810110271	Phạm Gia	Khiêm	07/04/2000	D13H1	3.5	90		Giỏi	17	17	8,525,000	
131	18810110248	Phạm Quốc	Khánh	25/07/1999	D13H2	3.47	79		Khá	17	17	7,975,000	
132	18810110263	Vũ Thị	Thanh	13/08/2000	D13H3	3.46	90		Giỏi	17	17	8,525,000	
133	18810110176	Vũ Tiến	Hoàng	23/12/2000	D13H2	3.32	84		Giỏi	17	17	8,525,000	
134	18810110076	Nguyễn Huy	Hoàng	22/06/2000	D13H1	3.26	85		Giỏi	17	17	8,525,000	
135	18810110266	Trần Thế	Mạnh	01/10/2000	D13H2	3.26	91		Giỏi	17	17	8,525,000	
136	18810610053	Bùi Văn	Đạt	14/04/2000	D13CKCTM	3.58	90		Giỏi	20	20	8,525,000	
137	18810610048	Trần Văn	Trường	15/08/2000	D13CKCTM	3.4	81		Giỏi	20	20	8,525,000	
138	18810610043	Đào Đức	Việt	14/06/2000	D13CKCTM	3.28	83		Giỏi	20	20	8,525,000	
139	18810610028	Đoàn Trung	Tín	18/11/2000	D13CKCTM	3.25	85		Giỏi	20	20	8,525,000	
140	18810610045	Nguyễn Văn	Thuần	09/09/2000	D13CKCTM	3.20	81		Giỏi	20	20	8,525,000	
141	18810660052	Nguyễn Trường	Giang	23/09/2000	D13CNCTTBD	3.13	89		Khá	20	20	7,975,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
142	18819100002	Trần Xuân	Thịnh	24/04/2000	D13CNKTNL	3.23	80		Giỏi	26	19	8,525,000	
143	18810310391	Bùi Thị Vân	Anh	16/10/2000	D13CNPM5	4	95		Xuất sắc	15	15	9,125,000	
144	18810310436	Ngô Thị	Huệ	10/07/2000	D13CNPM5	4	94		Xuất sắc	15	15	9,125,000	
145	18810310514	Nguyễn Trọng	Thanh	07/06/2000	D13CNPM6	4	90		Xuất sắc	15	15	9,125,000	
146	18810310509	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27/01/2000	D13CNPM6	4	90		Xuất sắc	15	15	9,125,000	
147	18810310452	Hoàng Đức	Long	11/06/2000	D13CNPM5	4	90		Xuất sắc	15	15	9,125,000	
148	18810310605	Nguyễn Thị Mai	Anh	23/09/2000	D13CNPM7	4	86		Giỏi	15	15	8,525,000	
149	18810310415	Nguyễn Thị	Nhung	05/09/2000	D13CNPM5	4	85		Giỏi	15	15	8,525,000	
150	18810310365	Nguyễn Diệu	Linh	01/05/2000	D13CNPM4	4	84		Giỏi	15	15	8,525,000	
151	18810310338	Vũ Nguyễn Đình	Linh	02/04/2000	D13CNPM4	4	83		Giỏi	15	15	8,525,000	
152	18810310339	Nguyễn Văn	Long	03/04/2000	D13CNPM4	4	83		Giỏi	15	15	8,525,000	
153	18810310124	Vũ Minh	Châu	26/05/2000	D13CNPM2	4	82		Giỏi	15	15	8,525,000	
154	18810310432	Nguyễn Văn	Nam	16/09/2000	D13CNPM5	4	82		Giỏi	15	15	8,525,000	
155	18810310643	Nguyễn Quang	Hiếu	02/10/2000	D13CNPM7	4	80		Giỏi	15	15	8,525,000	
156	18810310576	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	01/12/2000	D13CNPM7	4	80		Giỏi	15	15	8,525,000	
157	18810310449	Vũ Thị Lan	Hương	03/03/2000	D13CNPM5	3.97	92		Xuất sắc	15	15	9,125,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
158	18810310325	Phương Công	Thắng	25/07/2000	D13CNPM4	3.93	97		Xuất sắc	15	15	9,125,000	
159	18810310378	Đào Đức	Quang	08/01/2000	D13CNPM5	3.93	85		Giỏi	15	15	8,525,000	
160	18810310192	Đỗ Mai	Phúc	10/09/2000	D13CNPM2	3.93	83		Giỏi	15	15	8,525,000	
161	18810310603	Bùi Xuân	Hùng	07/01/1998	D13CNPM7	3.93	80		Giỏi	15	15	8,525,000	
162	18810310154	Phan Bá	Hiếu	13/12/2000	D13CNPM2	3.93	83		Giỏi	15	15	8,525,000	
163	18810310138	Nguyễn Thế	Sơn	25/12/2000	D13CNPM2	3.93	81		Giỏi	15	15	8,525,000	
164	18810310341	Trần Văn	An	16/06/2000	D13CNPM4	3.93	84		Giỏi	15	15	8,525,000	
165	18810310040	Lê Quang	Huy	09/01/2000	D13CNPM1	3.9	87		Giỏi	15	15	8,525,000	
166	18810310315	Hoàng Ngọc	Bách	20/12/2000	D13CNPM4	3.9	84		Giỏi	15	15	8,525,000	
167	18810310356	Nguyễn Đắc Nhật	Long	12/06/2000	D13CNPM4	3.9	81		Giỏi	15	15	8,525,000	
168	18810310364	Hoàng Thu	Phương	12/08/2000	D13CNPM4	3.9	90		Xuất sắc	15	15	9,125,000	
169	18810310500	Đoàn Quang	Huy	21/08/2000	D13CNPM6	3.9	85		Giỏi	15	15	8,525,000	
170	18810310321	Phạm Tuấn	Kiệt	23/08/2000	D13CNPM4	3.9	84		Giỏi	15	15	8,525,000	
171	18810310610	Đặng Hoàng	Long	18/10/2000	D13CNPM7	3.88	75		Khá	17	15	7,975,000	
172	18810320658	Nguyễn Thị	Chinh	07/02/2000	D13CNPM1	3.87	87		Giỏi	15	15	8,525,000	
173	18810310418	Nguyễn Thị	Huyền	26/04/2000	D13CNPM5	3.87	90		Xuất sắc	15	15	9,125,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
174	18810310375	Nguyễn Trọng	Huy	18/12/1999	D13CNPM5	3.87	85		Giỏi	15	15	8,525,000	
175	18810310256	Đỗ Thị	Thu	04/07/2000	D13CNPM3	3.87	83		Giỏi	15	15	8,525,000	
176	18810310270	Nguyễn Thị	Hòa	09/02/2000	D13CNPM3	3.87	90		Xuất sắc	15	15	9,125,000	
177	18810310428	Nguyễn Văn	Nam	12/10/2000	D13CNPM5	3.83	92		Xuất sắc	15	15	9,125,000	
178	18810310442	Đỗ Nguyễn Thiện	Khiêm	19/04/2000	D13CNPM5	3.83	85		Giỏi	15	15	8,525,000	
179	18810310423	Đinh Mạnh	Hiếu	02/12/2000	D13CNPM5	3.83	85		Giỏi	15	15	8,525,000	
180	18810310351	Hoàng Thị Thanh	Loan	08/06/2000	D13CNPM4	3.83	84		Giỏi	15	15	8,525,000	
181	18810310128	Nguyễn Thị Thu	Phương	17/06/2000	D13CNPM2	3.83	83		Giỏi	15	15	8,525,000	
182	18810310577	Phùng Thị Ánh	Ngọc	14/11/2000	D13CNPM7	3.83	81		Giỏi	15	15	8,525,000	
183	18810620134	Lê Bá	Đạt	16/04/2000	D13CODT2	3.58	86		Giỏi	20	17	8,525,000	
184	18810620024	Phạm Hồng	Hiếu	30/04/2000	D13CODT1	3.58	86		Giỏi	20	17	8,525,000	
185	18810620068	Nguyễn Ngọc	Thắng	05/05/2000	D13CODT2	3.55	84		Giỏi	20	17	8,525,000	
186	18810620152	Phan Hữu	Hiệp	01/07/2000	D13CODT3	3.55	77		Khá	20	17	7,975,000	
187	18810620005	Lê Đức	Hiếu	27/12/2000	D13CODT1	3.48	82		Giỏi	20	17	8,525,000	
188	18810620069	Nguyễn Đức	An	14/03/2000	D13CODT1	3.45	76		Khá	20	17	7,975,000	
189	18810620015	Lê Minh	Thành	25/12/2000	D13CODT2	3.45	88		Giỏi	20	17	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
190	18810620072	Nguyễn Bá Tùng	Lộc	19/04/2000	D13CODT3	3.45	82		Giỏi	20	17	8,525,000	
191	18810620158	Đoàn Tiến	Dũng	16/07/2000	D13CODT1	3.44	84		Giỏi	17	17	8,525,000	
192	18810620144	Nguyễn Đình	Khoa	23/07/2000	D13CODT1	3.43	76		Khá	20	17	7,975,000	
193	18810620001	Nguyễn Thăng	Long	13/11/2000	D13CODT3	3.41	83		Giỏi	17	17	8,525,000	
194	18810620014	Đỗ Văn	Trương	14/07/2000	D13CODT1	3.38	85		Giỏi	20	17	8,525,000	
195	18810620030	Ngô Tiến	Ninh	23/06/2000	D13CODT3	3.3	82		Giỏi	20	17	8,525,000	
196	18810420077	Phạm Dương	Thuận	11/06/2000	D13DCN&DD2	3.88	94		Xuất sắc	17	14	9,125,000	
197	18810420082	Dương Quốc	Cường	16/09/2000	D13DCN&DD1	3.74	93		Xuất sắc	17	14	9,125,000	
198	18810420197	Vũ Trường	Giang	04/07/2000	D13DCN&DD1	3.59	91		Giỏi	17	14	8,525,000	
199	18810420062	Nguyễn Tiến	Anh	02/01/2000	D13DCN&DD1	3.44	96		Giỏi	17	14	8,525,000	
200	18810420207	Đoàn Bác	Học	23/04/2000	D13DCN&DD1	3.44	86		Giỏi	17	14	8,525,000	
201	18810420161	Nguyễn Đình	Khang	04/12/2000	D13DCN&DD1	3.32	84		Giỏi	17	14	8,525,000	
202	18810420293	Phan Văn	Sáng	11/11/2000	D13DCN&DD2	3.26	81		Giỏi	17	14	8,525,000	
203	18819120027	Lê Quý	Bách	28/08/2000	D13DIENLANH	3.66	95		Xuất sắc	16	16	9,125,000	
204	18819120043	Nguyễn Quang	Vinh	19/09/2000	D13DIENLANH	3.06	70		Khá	18	16	7,975,000	
205	18819120008	Lê Trung	Kiên	27/07/2000	D13DIENLANH	3.03	71		Khá	16	16	7,975,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
206	18810540031	Đào Thị	Nhung	08/01/2000	D13DT&KTMT	3.26	86		Giỏi	19	19	8,525,000	
207	18810540050	Nguyễn Việt	Dũng	26/04/2000	D13DT&KTMT	3.26	90		Giỏi	19	19	8,525,000	
208	18810540014	Hồ Anh	Dũng	09/12/2000	D13DT&KTMT	2.97	79		Khá	19	19	7,975,000	
209	18810550041	Nguyễn Bá Việt	Tùng	16/01/2000	D13DT&ROBOT	2.76	76		Khá	19	19	7,975,000	
210	18810510097	Hoàng Tuấn	Phong	21/05/2000	D13DTVT	3.18	81		Khá	19	19	7,975,000	
211	18810510085	Hoàng Trung	Thành	15/02/2000	D13DTVT	3.13	82		Khá	19	19	7,975,000	
212	18810510020	Trần Ngọc	Minh	22/08/2000	D13DTVT	3.11	80		Khá	19	19	7,975,000	
213	18810510038	Nguyễn Huy	Sơn	09/01/2000	D13DTVT	3.05	80		Khá	19	19	7,975,000	
214	18810510087	Nguyễn Toàn Phúc	Tuân	28/04/2000	D13DTVT	3.03	82		Khá	19	19	7,975,000	
215	18810530059	Dương Mạnh	Tuấn	21/08/2000	D13DTYT	2.76	88		Khá	19	19	7,975,000	
216	18810340677	Nguyễn Danh	Hà	22/10/2000	D13HTTMDT2	4	84		Giỏi	15	15	8,525,000	
217	18810340225	Ngô Minh	Hiếu	07/04/2000	D13HTTMDT1	4	94		Xuất sắc	18	15	9,125,000	
218	18810340118	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/05/2000	D13HTTMDT1	4	83		Giỏi	18	15	8,525,000	
219	18810340703	Vũ Quang	Long	27/07/2000	D13HTTMDT1	4	84		Giỏi	15	15	8,525,000	
220	18810340235	Phạm Thị	Gấm	21/08/2000	D13HTTMDT1	4	85		Giỏi	15	15	8,525,000	
221	18810340672	Lưu Thùy	Dương	12/03/2000	D13HTTMDT2	3.97	82		Giỏi	18	15	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
222	18810340497	Nguyễn Thị Diễm	Hương	02/06/2000	D13HTTMDT2	3.97	83		Giỏi	15	15	8,525,000	
223	18810340663	Phạm Nguyễn Hoàng	Vĩnh	13/09/2000	D13HTTMDT2	3.94	87		Giỏi	18	15	8,525,000	
224	18810340537	Bùi Chí	Bảo	11/10/2000	D13HTTMDT2	3.94	81		Giỏi	18	15	8,525,000	
225	18810340601	Nguyễn Quỳnh	Anh	20/11/2000	D13HTTMDT2	3.92	85		Giỏi	18	15	8,525,000	
226	18810850015	Nguyễn Thị Minh	Hương	10/02/2000	D13KIEMTOAN	3.83	80		Giỏi	18	18	7,650,000	
227	18810850002	Phạm Thị Cẩm	Yến	23/08/2000	D13KIEMTOAN	3.69	87		Giỏi	18	18	7,650,000	
228	18810850048	Nguyễn Thanh	Mai	14/01/2000	D13KIEMTOAN	3.53	78		Khá	18	18	7,150,000	
229	18810850045	Nguyễn Thành	Long	30/04/2000	D13KIEMTOAN	3.5	80		Giỏi	18	18	7,650,000	
230	18810830133	Phạm Hồng	Nhung	22/08/2000	D13KT&KS	3.9	86		Giỏi	35	19	7,650,000	
231	18810830057	Nguyễn Thị Thu	Uyên	28/10/2000	D13KT&KS	3.86	84		Giỏi	22	19	7,650,000	
232	18810830060	Nguyễn Thị	Vân	25/06/2000	D13KT&KS	3.82	81		Giỏi	19	19	7,650,000	
233	18810830014	Trần Đình	Long	15/06/2000	D13KT&KS	3.74	87		Giỏi	19	19	7,650,000	
234	18810810085	Nguyễn Thị	Quỳnh	24/09/2000	D13KTDN1	4	88		Giỏi	19	19	7,650,000	
235	18810810059	Kiều Thị	Thúy	04/02/2000	D13KTDN1	3.95	84		Giỏi	19	19	7,650,000	
236	18810810160	Đỗ Văn	Dũng	19/06/2000	D13KTDN2	3.95	87		Giỏi	19	19	7,650,000	
237	18810810046	Bùi Thị Thu	Huyền	15/10/2000	D13KTDN1	3.95	84		Giỏi	19	19	7,650,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
238	18810810139	Nguyễn Thu	Trang	12/10/2000	D13KTDN2	3.89	88		Giỏi	19	19	7,650,000	
239	18810810246	Lưu Thị Vân	Anh	05/08/2000	D13KTDN1	3.87	88		Giỏi	19	19	7,650,000	
240	18810810163	Lê Thị Thùy	Trang	19/12/2000	D13KTDN2	3.84	87		Giỏi	19	19	7,650,000	
241	18810810009	Nguyễn Thu	Trang	15/08/2000	D13KTDN1	3.84	89		Giỏi	19	19	7,650,000	
242	18810810130	Hoàng Thị Bích	Ngọc	14/09/2000	D13KTDN2	3.84	87		Giỏi	19	19	7,650,000	
243	18810810131	Nguyễn Hồng	Nhung	06/12/2000	D13KTDN2	3.79	84		Giỏi	19	19	7,650,000	
244	18810810251	Nguyễn Thúy	Nga	02/01/2000	D13KTDN3	3.79	84		Giỏi	19	19	7,650,000	
245	18810810151	Nguyễn Thùy	Linh	11/10/2000	D13KTDN2	3.79	81		Giỏi	19	19	7,650,000	
246	18810810176	Bùi Thị	Hường	28/11/2000	D13KTDN3	3.74	87		Giỏi	19	19	7,650,000	
247	18810810117	Nguyễn Thị	Tình	20/08/2000	D13KTDN2	3.74	85		Giỏi	19	19	7,650,000	
248	18810810145	Phan Như	Quỳnh	25/06/2000	D13KTDN2	3.74	85		Giỏi	19	19	7,650,000	
249	18810810202	Nguyễn Thị	Lương	16/05/2000	D13KTDN3	3.74	81		Giỏi	19	19	7,650,000	
250	18810810135	Nguyễn Hồng	Ngọc	10/01/2000	D13KTDN2	3.74	80		Giỏi	19	19	7,650,000	
251	18810000037	Trần Văn	Tùng	10/10/2000	D13KTDT	2.61	78		Khá	19	19	7,975,000	
252	18810840012	Nguyễn Thị	Nga	18/01/2000	D13NGANHANG	4	92		Xuất sắc	18	18	9,125,000	
253	18810840013	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	29/06/2000	D13NGANHANG	4	90		Xuất sắc	21	18	9,125,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
254	18810840115	Phạm Thùy	Linh	24/11/2000	D13NGANHANG	3.94	83		Giỏi	18	18	8,525,000	
255	18810710076	Nguyễn Thị	Hoài	05/11/2000	D13QTDN1	3.78	90		Xuất sắc	18	18	8,150,000	
256	18810710064	Lê Thị Hương	Ly	28/03/2000	D13QTDN1	3.72	82		Giỏi	18	18	7,650,000	
257	18810710210	Vũ Thị Hải	Ninh	29/03/2000	D13QTDN1	3.72	98		Xuất sắc	18	18	8,150,000	
258	18810710207	Đỗ Thị	Thúy	15/08/2000	D13QTDN2	3.61	84		Giỏi	18	18	7,650,000	
259	18810710227	Trịnh Đức	Tuyền	10/11/2000	D13QTDN2	3.61	82		Giỏi	18	18	7,650,000	
260	18810710193	La Thị Ngọc	Mai	05/05/2000	D13QTDN2	3.58	83		Giỏi	18	18	7,650,000	
261	18810710120	Hà Thị	Lan	07/03/2000	D13QTDN2	3.56	79		Khá	18	18	7,150,000	
262	18810710185	Nguyễn Thị Mai	Huân	17/08/2000	D13QTDN2	3.53	83		Giỏi	18	18	7,650,000	
263	18810710133	Lê Phương	Thúy	05/06/2000	D13QTDN2	3.5	80		Giỏi	18	18	7,650,000	
264	18810710148	Đỗ Thị Khánh	Huyền	13/12/2000	D13QTDN2	3.5	83		Giỏi	18	18	7,650,000	
265	18810710034	Đoàn Thị Diệu	Linh	01/03/2000	D13QTDN1	3.5	79		Khá	18	18	7,150,000	
266	18810710212	Nguyễn Thị Bích	Phượng	26/07/2000	D13QTDN1	3.47	90		Giỏi	18	18	7,650,000	
267	18810430029	Trần Ngọc	Thịnh	30/12/2000	D13TDH&DKTB CN2	3.84	87		Giỏi	16	16	8,525,000	
268	18810430192	Phí Thành	Long	31/10/2000	D13TDH&DKTB CN2	3.66	86		Giỏi	16	16	8,525,000	
269	18810430122	Nguyễn Hoàng	Anh	21/08/2000	D13TDH&DKTB CN2	3.66	85		Giỏi	16	16	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
270	18810430214	Nguyễn Trung	Hiếu	26/09/2000	D13TDH&DKTB CN2	3.59	90		Giỏi	16	16	8,525,000	
271	18810430168	Vũ Thị Thanh	Thư	08/10/2000	D13TDH&DKTB CN2	3.5	90		Giỏi	19	16	8,525,000	
272	18810430180	Trần Trung	Hiếu	14/07/2000	D13TDH&DKTB CN2	3.47	81		Giỏi	19	16	8,525,000	
273	18810430134	Nhữ Văn	Long	30/08/2000	D13TDH&DKTB CN2	3.45	82		Giỏi	22	16	8,525,000	
274	18810430242	Hoàng Ngọc	Sơn	15/04/2000	D13TDH&DKTB CN3	3.19	78		Khá	16	16	7,975,000	
275	18810430072	Lê Thanh	Thuận	14/09/2000	D13TDH&DKTB CN2	3.13	87		Khá	19	16	7,975,000	
276	18810430184	Nguyễn Lê Trường	An	01/07/2000	D13TDH&DKTB CN2	3.06	83		Khá	16	16	7,975,000	
277	18810430156	Vũ Nhật	Long	13/03/2000	D13TDH&DKTB CN2	3.03	87		Khá	16	16	7,975,000	
278	18810430143	Nguyễn Đình	Long	13/10/2000	D13TDH&DKTB CN2	2.97	84		Khá	18	16	7,975,000	
279	18810430138	Ngô Đắc	Nguyện	12/06/2000	D13TDH&DKTB CN2	2.91	83		Khá	16	16	7,975,000	
280	18810650001	Nguyễn Trung	Hải	01/09/2000	D13XDDD&CN	3.3	92		Giỏi	23	20	8,525,000	
281	18810650016	Vũ Quốc	Bảo	11/10/2000	D13XDDD&CN	3	83		Khá	23	20	7,975,000	
282	18810170286	Vũ Công	Uẩn	11/10/2000	D13TDHHTD	3.71	83		Giỏi	17	17	8,525,000	
283	18810170163	Nguyễn Văn	Tuấn	20/11/2000	D13TDHHTD	3.35	86		Giỏi	17	17	8,525,000	
284	18810170327	Ngô Quang	Hiếu	25/08/2000	D13TDHHTD	3.32	80		Giỏi	17	17	8,525,000	
285	18810170009	Phạm Cao	Bắc	16/09/2000	D13TDHHTD	3.29	87		Giỏi	17	17	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
286	18810170149	Phạm Đức	Nhân	29/05/2000	D13TDHHTD	3.03	89		Khá	17	17	7,975,000	
287	18810820005	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/03/2000	D13TCDN	3.75	82		Giỏi	18	18	7,650,000	
288	18810820093	Đỗ Trọng	Tiến	22/01/2000	D13TCDN	3.67	80		Giỏi	18	18	7,650,000	
289	18810820061	Hoàng Đức	Dương	05/11/2000	D13TCDN	3.67	90		Xuất sắc	18	18	8,150,000	
290	18810820104	Phạm Thị	Mai	08/08/2000	D13TCDN	3.53	79		Khá	18	18	7,150,000	
291	18810820087	Nguyễn Ngọc	Khánh	08/03/2000	D13TCDN	3.5	94		Giỏi	18	18	7,650,000	
292	18810820029	Nguyễn Thùy	Dương	03/12/2000	D13TCDN	3.5	93		Giỏi	18	18	7,650,000	
293	18819110018	Nguyễn Công	Hòa	08/08/2000	D13NHIET	3.31	89		Giỏi	16	16	8,525,000	
294	18810220024	Nguyễn Thị Thanh	Loan	15/10/2000	D13QLCN	3.03	86		Khá	18	18	7,975,000	
295	18810220031	Phan Mai	Linh	26/10/2000	D13QLCN	2.75	93		Khá	18	18	7,975,000	
296	18810220016	Phạm Việt	Anh	13/09/2000	D13QLCN	2.56	90		Khá	18	18	7,975,000	
297	18810340678	Phạm Thị	Ngọc	09/10/2000	D13QTANM	3.97	94		Xuất sắc	17	17	9,125,000	
298	18810320073	Nguyễn Thị	Hằng	13/11/2000	D13QTANM	3.8	90		Xuất sắc	20	17	9,125,000	
299	18810320702	Phạm Lê Khánh	Huyền	04/05/2000	D13QTANM	3.79	90		Xuất sắc	17	17	9,125,000	
300	18810320105	Vi Trung	Kiên	29/05/2000	D13QTANM	3.76	84		Giỏi	17	17	8,525,000	
301	18810320721	Trần Đăng	Quang	17/01/2000	D13QTANM	3.74	80		Giỏi	17	17	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
302	18810310295	Đoàn Thị Thu	Trang	30/12/2000	D13QTANM	3.65	85		Giỏi	20	17	8,525,000	
303	18810720140	Vũ Thị	Hà	03/11/2000	D13QTDLKS	3.84	95		Xuất sắc	19	19	8,150,000	
304	18810720198	Đinh Hương	Giang	11/04/2000	D13QTDLKS	3.79	97		Xuất sắc	19	19	8,150,000	
305	18810710050	Nguyễn Việt	Cường	07/06/2000	D13QTDLKS	3.63	96		Xuất sắc	19	19	8,150,000	
306	18810720208	Nguyễn Hà	Thanh	21/09/2000	D13QTDLKS	3.61	82		Giỏi	19	19	7,650,000	
307	18810720041	Phạm Thu	Giang	11/11/2000	D13QTDLKS	3.60	79		Khá	21	19	7,150,000	
308	18810720062	Lê Thị Ngọc	Ánh	09/09/2000	D13QTDLKS	3.55	81		Giỏi	19	19	7,650,000	
309	19810410034	Trần Cao	Thiên	24/12/1998	CLC.D14CNKTDK	3.56	81		Giỏi	18	15	8,525,000	
310	19810410268	Thân Đức	Anh	02/06/2001	D14CNKTDK2	3.33	89		Giỏi	15	15	8,525,000	
311	19810410007	Phạm Trọng	Bằng	05/07/2001	CLC.D14CNKTDK	3.31	85		Giỏi	18	15	8,525,000	
312	19810410337	Hoàng Văn	Thuận	27/09/2001	D14CNKTDK1	3.27	85		Giỏi	15	15	8,525,000	
313	19810410154	Lương Văn	Tùng	24/12/2001	D14CNKTDK1	3.23	85		Giỏi	15	15	8,525,000	
314	19810410320	Vũ Trung	Trường	09/11/2001	D14CNKTDK2	3.20	88		Giỏi	15	15	8,525,000	
315	19810410310	Phạm Văn	Thành	14/11/1998	D14CNKTDK2	3.20	82		Giỏi	15	15	8,525,000	
316	19810110199	Nguyễn Đình	Hiếu	29/10/2001	D14H2	3.85	88		Giỏi	17	17	8,525,000	
317	19810110258	Chu Mạnh	Phóng	07/08/2001	D14H3	3.79	84		Giỏi	17	17	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
318	19810420346	Nguyễn Trọng	Sơn	09/07/2001	D14H3	3.65	81		Giỏi	17	17	8,525,000	
319	19810110223	Lữ Quang	Thắng	09/06/2001	D14H3	3.56	82		Giỏi	17	17	8,525,000	
320	19810110081	Lê Thu	Trà	30/10/2001	D14H1	3.5	85		Giỏi	17	17	8,525,000	
321	19810110226	Trần Hữu	Phước	30/01/2001	D14H3	3.44	84		Giỏi	17	17	8,525,000	
322	19810110123	Nguyễn Hữu Việt	Hoàng	16/4/2001	D14H2	3.44	87		Giỏi	17	17	8,525,000	
323	19810110179	Ngô Long	Toàn	04/12/2000	D14H2	3.38	89		Giỏi	17	17	8,525,000	
324	19810110216	Đoàn Quang	Duyệt	24/12/2001	D14H3	3.35	86		Giỏi	17	17	8,525,000	
325	19810710026	Nguyễn Tuấn	Đạt	09/11/2001	D14H1	3.29	85		Giỏi	19	17	8,525,000	
326	19810110014	Từ Văn	Tình	17/09/2001	D14H1	3.21	90		Giỏi	17	17	8,525,000	
327	19810110190	Nguyễn Tất	Đạt	27/04/2001	D14H2	3.21	88		Giỏi	17	17	8,525,000	
328	19810110231	Hoàng Văn	Thành	02/03/2001	D14H3	3.18	91		Khá	17	17	7,975,000	
329	19810110058	Nguyễn Khắc	Tuân	28/11/2001	D14H1	3.18	84		Khá	19	17	7,975,000	
330	19810110206	Lò Đức	Cường	09/10/1998	D14H2	3.15	88		Khá	17	17	7,975,000	
331	19810110267	Nguyễn Văn	Mạnh	03/10/2001	D14H3	3.15	83		Khá	17	17	7,975,000	
332	19810110177	Nguyễn Hoàng	Anh	10/10/2001	D14H2	3.03	89		Khá	17	17	7,975,000	
333	19810810189	Nguyễn Thị	Hồng	04/04/2001	D14KTDN3	3.84	86		Giỏi	19	16	7,650,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
334	19810810113	Nguyễn Như	Quỳnh	19/10/2001	D14KTDN3	3.84	92		Xuất sắc	19	16	8,150,000	
335	19810810200	Nguyễn Khánh	Hòa	03/10/2001	D14KTDN3	3.63	85		Giỏi	19	16	7,650,000	
336	19810810029	Vũ Thị Minh	Phương	04/06/2001	D14KTDN1	3.6	81		Giỏi	25	16	7,650,000	
337	19810810192	Kiều Thị	Thúy	28/4/2001	D14KTDN3	3.47	87		Giỏi	19	16	7,650,000	
338	19810810135	Phạm Thị Ngọc	Thảo	15/03/2001	D14KTDN3	3.42	85		Giỏi	19	16	7,650,000	
339	19810830149	Hà Thị Thu	Hà	11/12/2001	D14KTDN2	3.42	84		Giỏi	19	16	7,650,000	
340	19810810009	Phạm Thị	Ánh	04/01/2001	D14KTDN1	3.37	83		Giỏi	19	16	7,650,000	
341	19810810187	Bùi Thị	Thúy	21/02/2001	D14KTDN3	3.32	87		Giỏi	19	16	7,650,000	
342	19810810046	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	19/01/2001	D14KTDN1	3.32	84		Giỏi	19	16	7,650,000	
343	19810810027	Nguyễn Thị	Hòa	20/9/2001	D14KTDN1	3.32	84		Giỏi	19	16	7,650,000	
344	19810810195	Dương Thị	Nhung	18/02/2001	D14KTDN3	3.31	85		Giỏi	16	16	7,650,000	
345	19810810154	Khổng Thị	Hiền	24/05/2001	D14KTDN3	3.31	81		Giỏi	16	16	7,650,000	
346	19810810022	Nguyễn Như	Quỳnh	15/08/2001	D14KTDN1	3.29	84		Giỏi	19	16	7,650,000	
347	19810810070	Đỗ Thanh	Hà	18/12/2001	D14KTDN2	3.24	87		Giỏi	19	16	7,650,000	
348	19810810129	Hoàng Thị Việt	Hoa	22/04/2001	D14KTDN3	3.24	82		Giỏi	19	16	7,650,000	
349	19810310305	Nguyễn Huy	Hoàng	08/05/2001	D14CNPM5	4	92		Xuất sắc	18	18	9,125,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
350	19810310223	Đỗ Thị Bích	Ngọc	30/08/2001	D14CNPM4	3.94	79		Khá	18	18	7,975,000	
351	19810310256	Đinh Thị	Thảo	08/03/2001	D14CNPM4	3.94	73		Khá	18	18	7,975,000	
352	19810310026	Trần Tuấn	Anh	28/05/2000	D14CNPM1	3.92	90		Xuất sắc	18	18	9,125,000	
353	19810320033	Nguyễn Đức	Thịnh	13/04/2001	D14CNPM4	3.9	81		Giỏi	21	18	8,525,000	
354	19810310532	Nguyễn Duy	Đạt	05/03/2001	D14CNPM7	3.9	94		Xuất sắc	21	18	9,125,000	
355	19810310151	Nguyễn Xuân	Thành	08/09/2001	D14CNPM3	3.89	94		Xuất sắc	18	18	9,125,000	
356	19810310054	Nguyễn Duy	Long	05/09/2001	D14CNPM1	3.89	90		Xuất sắc	18	18	9,125,000	
357	19810310018	Nguyễn Văn	Sang	30/05/2001	D14CNPM1	3.89	90		Xuất sắc	18	18	9,125,000	
358	19810310325	Bùi Hoàng	Hải	03/09/2001	D14CNPM5	3.89	92		Xuất sắc	18	18	9,125,000	
359	19810310476	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	26/11/2001	D14CNPM6	3.89	91		Xuất sắc	18	18	9,125,000	
360	19810310338	Đoàn Minh	Quang	23/9/2001	D14CNPM2	3.89	83		Giỏi	18	18	8,525,000	
361	19810310410	Lương Ngọc	Vinh	31/05/2001	D14CNPM6	3.89	90		Xuất sắc	18	18	9,125,000	
362	19810310028	Vương Tuấn	Anh	16/05/2001	D14CNPM1	3.89	90		Xuất sắc	18	18	9,125,000	
363	19810310616	Vũ Nhật	Minh	11/12/2001	D14CNPM8	3.89	82		Giỏi	18	18	8,525,000	
364	19810310368	Nguyễn Mạnh	Thời	06/04/2001	D14CNPM4	3.86	79		Khá	18	18	7,975,000	
365	19810310391	Trần Huy	Hậu	20/07/2001	D14CNPM6	3.83	90		Xuất sắc	18	18	9,125,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
366	19810310611	Nguyễn Thành	Đạt	06/07/1999	D14CNPM8	3.83	82		Giỏi	18	18	8,525,000	
367	19810310202	Hoàng Nghĩa	Trung	08/12/2001	D14CNPM3	3.83	84		Giỏi	18	18	8,525,000	
368	19810320210	Phạm Đức	Long	08/04/2000	D14CNPM4	3.83	78		Khá	18	18	7,975,000	
369	19810310642	Đỗ Hoàng	Linh	22/07/2001	D14CNPM8	3.83	76		Khá	18	18	7,975,000	
370	19810310619	Nguyễn Thái	Dương	16/11/2001	D14CNPM8	3.81	83		Giỏi	18	18	8,525,000	
371	19810310672	Phan Đức	Thắng	16/02/2001	D14CNPM7	3.79	80		Giỏi	21	18	8,525,000	
372	19810310279	Nguyễn Minh	Chiến	28/08/2001	D14CNPM5	3.78	84		Giỏi	18	18	8,525,000	
373	19810310172	Hoàng Thị	Phương	10/08/2001	D14CNPM3	3.78	82		Giỏi	18	18	8,525,000	
374	19810310283	Lê Khánh	Toàn	01/08/2001	D14CNPM5	3.78	81		Giỏi	18	18	8,525,000	
375	19810310355	Bùi Quang	Điệp	23/12/2001	D14CNPM3	3.78	78		Khá	18	18	7,975,000	
376	19810310638	Phạm Quang	Minh	07/08/2001	D14CNPM8	3.78	76		Khá	18	18	7,975,000	
377	19810310535	Nguyễn Trường	Anh	10/11/2001	D14CNPM7	3.76	90		Xuất sắc	21	18	9,125,000	
378	19810310031	Nguyễn Trung	Kiên	12/10/2001	D14CNPM1	3.75	87		Giỏi	18	18	8,525,000	
379	19810310239	Phạm Đức	Hùng	13/09/2001	D14CNPM4	3.75	70		Khá	18	18	7,975,000	
380	19810310126	Phan Minh	Phúc	08/03/2001	D14CNPM2	3.75	81		Giỏi	18	18	8,525,000	
381	19810310402	Nguyễn Văn	An	08/03/2001	D14CNPM6	3.72	90		Xuất sắc	18	18	9,125,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
382	19810310667	Trần Văn	Thịnh	22/12/2001	D14CNPM5	3.72	83		Giỏi	18	18	8,525,000	
383	19810310040	Nguyễn Thị	Tình	17/09/2001	D14CNPM1	3.72	87		Giỏi	18	18	8,525,000	
384	19810310412	Vi Thị	Hoan	19/09/2001	D14CNPM6	3.72	88		Giỏi	18	18	8,525,000	
385	19810000464	Nguyễn Vũ Nam	Khang	20/12/2001	D14CNPM8	3.72	84		Giỏi	18	18	8,525,000	
386	19810310246	Nguyễn Văn Đại	Cương	19/12/2001	D14CNPM4	3.69	74		Khá	21	18	7,975,000	
387	19810310217	Nguyễn Mạnh	Cường	07/07/2001	D14CNPM4	3.69	78		Khá	18	18	7,975,000	
388	19810310634	Trần Tuấn	Dũng	02/11/2001	D14CNPM8	3.69	81		Giỏi	18	18	8,525,000	
389	19810230081	Nguyễn Văn	Hảo	07/10/2001	D14LOGISTICS1	3.88	100		Xuất sắc	17	17	9,125,000	
390	19810230073	Bùi Anh	Thư	24/10/2001	D14LOGISTICS1	3.47	93		Giỏi	17	17	8,525,000	
391	19810230082	Lê Thị	Thủy	16/08/2001	D14LOGISTICS1	3.32	86		Giỏi	17	17	8,525,000	
392	19810230077	Trần Thị Ngọc	Châu	13/05/2001	D14LOGISTICS2	3.24	79		Khá	17	17	7,975,000	
393	19810230005	Nguyễn Thị	Thủy	21/03/2001	D14LOGISTICS2	3.24	70		Khá	17	17	7,975,000	
394	19810230036	Lê Thị Thu	Hằng	23/03/2001	D14LOGISTICS1	3.09	86		Khá	17	17	7,975,000	
395	19810230004	Trần Thanh	Yến	21/01/2001	D14LOGISTICS1	3.00	87		Khá	17	17	7,975,000	
396	19810320673	Hà Mai	Lan	24/08/2001	D14QTANM2	3.94	97		Xuất sắc	18	18	9,125,000	
397	19810320121	Trương Văn	Đức	11/09/2001	D14QTANM1	3.72	80		Giỏi	18	18	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
398	19810320211	Trần Bích	Ngọc	11/05/2001	D14QTANM2	3.53	90		Giỏi	18	18	8,525,000	
399	19810320432	Phạm Thanh	Hải	23/11/2001	D14QTANM2	3.53	83		Giỏi	18	18	8,525,000	
400	19810320375	Nguyễn Văn	Hoan	03/11/2001	D14QTANM1	3.47	70		Khá	18	18	7,975,000	
401	19810320549	Nguyễn Lam	Trường	07/12/2001	D14QTANM2	3.44	90		Giỏi	18	18	8,525,000	
402	19810720140	Vũ Thị	Thoảng	09/07/2000	D14QTDLKS2	3.83	85		Giỏi	18	18	7,650,000	
403	19810720139	Nguyễn Thị	Mai	04/06/2001	D14QTDLKS2	3.67	90		Xuất sắc	18	18	8,150,000	
404	19810720205	Hoàng Thị	Loan	22/10/2001	D14QTDLKS2	3.58	83		Giỏi	18	18	7,650,000	
405	19810720273	Lê Tiến	Minh	11/10/2001	D14QTDLKS2	3.42	82		Giỏi	18	18	7,650,000	
406	19810720232	Nguyễn Thanh	Trúc	14/10/2000	D14QTDLKS2	3.39	78		Khá	18	18	7,150,000	
407	19810720106	Trương Long	Vũ	25/03/2001	D14QTDLKS1	3.33	76		Khá	18	18	7,150,000	
408	19810720199	Ngô Thị	Liên	07/08/2001	D14QTDLKS2	3.31	77		Khá	18	18	7,150,000	
409	19810720289	Nguyễn Trung	Kiên	21/02/2001	D14QTDLKS2	3.28	77		Khá	18	18	7,150,000	
410	19810720183	Lại Thị	Vui	18/07/2001	D14QTDLKS2	3.25	80		Giỏi	18	18	7,650,000	
411	19810720231	Vũ Thị	Dinh	22/02/2001	D14QTDLKS2	3.19	80		Khá	18	18	7,150,000	
412	19810720107	Hứa Minh	Nga	10/12/2001	D14QTDLKS1	3.14	82		Khá	18	18	7,150,000	
413	19810710012	Lê Thị	Tới	11/01/1998	D14QTDN1	3.85	90		Xuất sắc	17	17	8,150,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
414	19810710198	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	07/03/2001	D14QTDN3	3.68	85		Giỏi	17	17	7,650,000	
415	19810710070	Bùi Thị Hồng	Ngọc	02/09/2001	D14QTDN1	3.62	87		Giỏi	17	17	7,650,000	
416	19810710241	Đỗ Ngọc	Anh	07/07/2001	D14QTDN3	3.59	91		Giỏi	17	17	7,650,000	
417	19810710095	Vương Mạc	Linh	24/01/2001	D14QTDN1	3.44	87		Giỏi	17	17	7,650,000	
418	19810710196	Phạm Thị Phương	Lan	01/10/2001	D14QTDN3	3.44	78		Khá	17	17	7,150,000	
419	19810710087	Nguyễn Hương	Giang	23/08/2001	D14QTDN1	3.3	83		Giỏi	20	17	7,650,000	
420	19810710100	Trần Hoài Phương	Trang	05/12/2001	D14QTDN2	3.29	90		Giỏi	17	17	7,650,000	
421	19810710029	Nguyễn Thị	Tuyết	04/04/2001	D14QTDN1	3.18	91		Khá	17	17	7,150,000	
422	19810710057	Nguyễn Thị	Cải	21/02/2001	D14QTDN1	3.18	85		Khá	17	17	7,150,000	
423	19810710017	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	03/02/2001	D14QTDN1	3.09	87		Khá	17	17	7,150,000	
424	19810710264	Đoàn Thị	Giang	13/07/2001	D14QTDN3	3	87		Khá	17	17	7,150,000	
425	19810710055	Vũ Thị Lan	Hương	05/10/2001	D14QTDN1	3	84		Khá	17	17	7,150,000	
426	19810170366	Phạm Văn	Thế	18/08/2001	D14TDHHTD1	2.91	85		Khá	17	17	7,975,000	
427	19810170051	Tòng Vinh	Lập	27/10/2001	D14TDHHTD1	2.82	85		Khá	17	17	7,975,000	
428	19810170284	Hà Phúc	Lâm	18/09/2001	D14TDHHTD2	2.65	76		Khá	17	17	7,975,000	
429	19810170116	Nguyễn Hải	Nam	11/09/2001	D14TDHHTD1	2.59	90		Khá	17	17	7,975,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
430	19810170196	Tưởng Gia	Huy	15/06/2001	D14TDHHTD2	2.5	83		Khá	17	17	7,975,000	
431	19810170304	Phạm Quang	Khải	25/07/2001	D14TDHHTD2	2.5	86		Khá	17	17	7,975,000	
432	19810620053	Lê Thị Lan	Anh	23/09/1999	D14CODT	3.59	90		Giỏi	17	17	8,525,000	
433	19810620004	Nguyễn Văn	Du	16/08/2001	D14CODT	3.53	83		Giỏi	17	17	8,525,000	
434	19810620021	Phạm Phúc	Bằng	23/10/2001	D14CODT	3.18	82		Khá	22	17	7,975,000	
435	19810620054	Vũ Thái	Trường	12/10/2001	D14CODT	3.18	85		Khá	17	17	7,975,000	
436	19810620066	Mai Xuân	Đồng	15/06/2001	D14CODT	2.97	85		Khá	19	17	7,975,000	
437	19810620007	Nguyễn Mạnh	Cường	31/08/2001	D14CODT	2.97	80		Khá	19	17	7,975,000	
438	19810640075	Đỗ Văn	Vịnh	03/10/2000	D14XDCTD	2.8	90		Khá	15	15	7,975,000	
439	19810650004	Nguyễn Quyết	Thắng	27/10/2001	D14XDCTD	2.6	82		Khá	15	15	7,975,000	
440	19810610108	Lê Anh	Dũng	05/10/2001	D14CKCTM	3.23	81		Giỏi	22	17	8,525,000	
441	19810610058	Lê Đình	Huy	01/11/2001	D14CKCTM	3.18	85		Khá	19	17	7,975,000	
442	19810610109	Vũ Hoàng	Long	25/03/2001	D14CKCTM	3.17	83		Khá	21	17	7,975,000	
443	19810420213	Phạm Viết	Huy	22/02/2001	D14DCN&DD1	3.32	86		Giỏi	19	19	8,525,000	
444	19810420026	Nguyễn Ngọc	Minh	14/09/2001	D14DCN&DD1	3.24	84		Giỏi	19	19	8,525,000	
445	19810420197	Nguyễn Văn	Doanh	18/04/2001	D14DCN&DD1	3.03	86		Khá	19	19	7,975,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
446	19810420079	Nguyễn Tiến	Đạt	02/11/2001	D14DCN&DD2	3	84		Khá	19	19	7,975,000	
447	19810420111	Vũ Văn	Hoàng	23/06/2001	D14DCN&DD1	2.97	82		Khá	19	19	7,975,000	
448	19810420021	Phạm Duy	Sơn	01/01/2001	D14DCN&DD1	2.92	81		Khá	19	19	7,975,000	
449	19810420029	Đào Hồng	Quyền	09/01/2001	D14DCN&DD1	2.92	81		Khá	19	19	7,975,000	
450	19810420036	Đậu Đức	Hùng	24/01/2001	D14DCN&DD1	2.87	81		Khá	19	19	7,975,000	
451	19810420057	Nguyễn Mạnh	Tiến	06/01/2001	D14DCN&DD1	2.81	83		Khá	21	19	7,975,000	
452	19810430018	Trần Quang	Huy	16/09/2001	D14TDH&DKTB CN4	3.5	73		Khá	16	16	7,975,000	
453	19810430273	Trần Anh	Thắng	15/03/2001	D14TDH&DKTB CN3	3.47	88		Giỏi	16	16	8,525,000	
454	19810430324	Nguyễn Trung	Hiếu	09/07/2001	D14TDH&DKTB CN1	3.38	83		Giỏi	16	16	8,525,000	
455	19810430149	Hà Trung	Thành	08/03/2001	D14TDH&DKTB CN2	3.22	82		Giỏi	16	16	8,525,000	
456	19810430029	Nguyễn Thúy	Quỳnh	13/05/2001	D14TDH&DKTB CN4	3.22	84		Giỏi	16	16	8,525,000	
457	19810430277	Nguyễn Minh	Vương	05/01/2001	D14TDH&DKTB CN3	3.19	86		Khá	16	16	7,975,000	
458	19810430347	Phạm Văn	Thanh	04/01/2001	D14TDH&DKTB CN4	3.19	91		Khá	16	16	7,975,000	
459	19810430353	Phạm Văn	Lưu	27/04/2001	D14TDH&DKTB CN4	3.16	86		Khá	16	16	7,975,000	
460	19810430251	Nguyễn Văn	Hiệu	03/04/2001	D14TDH&DKTB CN3	3.13	92		Khá	16	16	7,975,000	
461	19810430159	Trần Nhất	Thiện	15/11/2001	D14TDH&DKTB CN2	3.13	82		Khá	16	16	7,975,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
462	19810430327	Nguyễn Quang	Hoàn	10/04/2001	D14TDH&DKTB CN1	3.09	80		Khá	16	16	7,975,000	
463	19810430316	Nguyễn Đức	Minh	30/01/2001	D14TDH&DKTB CN4	3.03	88		Khá	16	16	7,975,000	
464	19810430354	Phạm Minh	Hiếu	04/01/2001	D14TDH&DKTB CN4	3	81		Khá	16	16	7,975,000	
465	19810430256	Trần Cao	Ngọc	20/04/2001	D14TDH&DKTB CN3	2.94	93		Khá	16	16	7,975,000	
466	19810430211	Trần Lâm Hải	Long	18/03/2001	D14TDH&DKTB CN3	2.94	86		Khá	16	16	7,975,000	
467	19810430166	Kiều Đình	Khuê	16/02/2001	D14TDH&DKTB CN2	2.88	79		Khá	16	16	7,975,000	
468	19810430227	Phạm Xuân	Thành	02/01/2001	D14TDH&DKTB CN3	2.84	90		Khá	16	16	7,975,000	
469	19810430215	Trần Việt	Hoàng	12/12/2001	D14TDH&DKTB CN3	2.84	87		Khá	16	16	7,975,000	
470	19810610028	Nguyễn Văn	Dũng	20/10/2001	D14CKOTO	2.79	90		Khá	19	17	7,975,000	
471	19810000056	Chu Lê Duy	Hoàng	17/06/2001	D14CKOTO	2.66	84		Khá	19	17	7,975,000	
472	19810610053	Trần Quang	Duy	08/09/2001	D14CKOTO	2.61	80		Khá	19	17	7,975,000	
473	19810510143	Trần Tuấn	Anh	08/03/2001	D14DTVT	3.68	83		Giỏi	22	18	8,525,000	
474	19810510170	Nguyễn Văn	Thịnh	19/04/2001	D14DTVT	3.61	83		Giỏi	18	18	8,525,000	
475	19810510138	Nguyễn Xuân	Sách	26/12/2001	D14DTVT	3.56	83		Giỏi	18	18	8,525,000	
476	19810510127	Phạm Nhật	Anh	02/06/2001	D14DTVT	3.56	82		Giỏi	18	18	8,525,000	
477	19810510141	Hoàng Đại	Dương	11/02/2001	D14DTVT	3.5	82		Giỏi	18	18	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
478	19810540128	Nguyễn Minh	Toán	25/05/2001	D14DT&KTMT	3.67	81		Giỏi	18	18	8,525,000	
479	19810540181	Vũ Thị	Huyền	18/11/2001	D14DT&KTMT	3.39	83		Giỏi	18	18	8,525,000	
480	19810420022	Nguyễn Văn	Tùng	01/08/2001	D14DT&KTMT	3.39	82		Giỏi	18	18	8,525,000	
481	19810000194	Nguyễn Thị	Hương	27/08/2000	D14KTDT	3.42	80		Giỏi	18	18	8,525,000	
482	19810000190	Đỗ Anh	Thịnh	27/06/2001	D14MVT&MT	3.39	81		Giỏi	18	18	8,525,000	
483	19810550182	Trương Quốc	Tuấn	15/03/2001	D14TBDTYT	3.39	85		Giỏi	18	18	8,525,000	
484	19810000108	Phan Thị Hà	Trúc	17/10/2001	D14NLTT	3.55	81		Giỏi	19	16	8,525,000	
485	19810000517	Trần Lưu	Tú	04/09/2001	D14TTNT&TGMT	3.79	83		Giỏi	19	17	8,525,000	
486	19810000426	Nguyễn Huy	Hoàng	15/05/2001	D14TTNT&TGMT	3.74	90		Xuất sắc	19	17	9,125,000	
487	19810340231	Nguyễn Minh	Đức	20/09/2001	D14HTTMDT2	3.88	96		Xuất sắc	16	16	9,125,000	
488	19810340422	Nguyễn Việt	Dũng	16/04/2001	D14HTTMDT2	3.56	86		Giỏi	16	16	8,525,000	
489	19810340249	Nguyễn Văn	Khoa	05/01/2001	D14HTTMDT2	3.44	86		Giỏi	16	16	8,525,000	
490	19810340107	Phạm Thanh	Bình	22/09/2001	D14HTTMDT1	3.41	81		Giỏi	16	16	8,525,000	
491	19810340521	Ngô Thị Minh	Nguyệt	29/08/2001	D14HTTMDT1	3.38	90		Giỏi	16	16	8,525,000	
492	19810340395	Nguyễn Quang	Minh	19/02/2001	D14HTTMDT2	3.34	86		Giỏi	19	16	8,525,000	
493	19810340344	Đinh Công	Trứ	22/03/2001	D14HTTMDT2	3.34	86		Giỏi	16	16	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
494	19810830092	Nguyễn Thị	Nụ	01/05/2001	D14KT&KS	3.74	88		Giỏi	19	19	7,650,000	
495	19810850013	Nguyễn Khánh	Nhường	21/06/2001	D14KIEMTOAN	3.74	81		Giỏi	19	19	7,650,000	
496	19819120146	Trương Minh	Thắng	14/10/2001	D14DIENLANH	3.14	88		Khá	14	14	7,975,000	
497	19819120129	Phan Văn	Trường	07/01/2001	D14DIENLANH	3.06	92		Khá	18	14	7,975,000	
498	19819120011	Trần Viết	Minh	19/02/2001	D14DIENLANH	2.71	85		Khá	14	14	7,975,000	
499	19819120013	Trần Quang	Nguyên	03/06/2001	D14DIENLANH	2.61	78		Khá	18	14	7,975,000	
500	19810840008	Trần Thị Ngọc	Ánh	05/12/2001	D14NGANHANG	3.26	80		Giỏi	17	17	7,650,000	
501	19810840049	Nguyễn Lan	Anh	24/10/2001	D14NGANHANG	3.06	83		Khá	17	17	7,150,000	
502	19810840010	Nguyễn Ánh	Nguyệt	04/09/2001	D14NGANHANG	3.03	83		Khá	17	17	7,150,000	
503	19810840056	Đỗ Thị Thanh	Thanh	15/09/2001	D14NGANHANG	2.91	84		Khá	17	17	7,150,000	
504	19810000080	Bùi Hải	Quỳnh	01/02/2001	D14TTDIEN	2.78	84		Khá	20	17	7,975,000	
505	19810820052	Phương Thị Ngọc	Ánh	02/11/2001	D14TCDN	3.5	83		Giỏi	17	17	7,650,000	
506	19810820077	Nguyễn Thị	Hường	16/09/2001	D14TCDN	3.35	83		Giỏi	17	17	7,650,000	
507	19810820074	Nguyễn Chiều	Hạ	25/05/2001	D14TCDN	3.35	83		Giỏi	17	17	7,650,000	
508	19810000112	Phan Thị Thu	Phương	07/08/2001	D14KDTMTT	3.87	85		Giỏi	19	19	7,650,000	
509	19810000016	Nguyễn Thị Kiều	Linh	03/05/2001	D14KDTMTT	3.74	88		Giỏi	19	19	7,650,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
510	19810000017	Bùi Thành	Nam	18/02/2001	D14KDTMTT	3.57	94		Giỏi	21	19	7,650,000	
511	19810000081	Phạm Đức	Lương	05/04/2001	D14QLSX&TN	3	82		Khá	17	17	7,975,000	
512	20810620087	Lê Đình	Hưng	17/10/2002	D15CODT2	3.6	97		Xuất sắc	5	5	9,125,000	
513	20810620025	Phạm Đình	Huỳnh	18/07/2002	D15CODT1	3.6	78		Khá	5	5	7,975,000	
514	20810620038	Phạm Mạnh	Tân	04/10/2001	D15CODT1	3.4	78		Khá	5	5	7,975,000	
515	20810620054	Lê Hồng	Phi	19/10/2002	D15CODT1	3.4	92		Giỏi	5	5	8,525,000	
516	20810620021	Đỗ Quang	Khánh	17/10/2002	D15CODT1	3.4	78		Khá	5	5	7,975,000	
517	20810620028	Nguyễn Bá Hòa	Nam	13/08/2002	D15CODT1	3.4	81		Giỏi	5	5	8,525,000	
518	20810620031	Nguyễn Minh	Quang	06/06/2002	D15CODT1	3.4	78		Khá	5	5	7,975,000	
519	20810620057	Phạm Ngọc	Khiêm	11/10/2002	D15CODT1	3.4	85		Giỏi	5	5	8,525,000	
520	20810620103	Nguyễn Mạnh	Tiến	01/06/2002	D15CODT2	3.4	78		Khá	5	5	7,975,000	
521	20810620046	Nguyễn Văn	Thanh	30/09/2002	D15CODT1	3.20	80		Giỏi	5	5	8,525,000	
522	20810610022	Trần Thanh	Hải	25/07/2002	D15CKCTM	3.6	85		Giỏi	5	5	8,525,000	
523	20810000237	Lê Thanh	Hải	23/05/2001	D15CKOTO2	3.6	80		Giỏi	5	5	8,525,000	
524	20810610256	Trần Văn	Phong	26/05/2002	D15CKOTO2	3.6	88		Giỏi	5	5	8,525,000	
525	20810610250	Phạm Phan	Anh	25/08/2002	D15CKOTO1	3.6	82		Giỏi	5	5	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
526	20810000241	Lưu Văn	Hùng	10/02/2002	D15CKCTM	3.40	84		Giỏi	5	5	8,525,000	
527	20810610002	Nguyễn Văn	Linh	25/02/2001	D15CKOTO1	3.40	88		Giỏi	5	5	8,525,000	
528	20810000221	Lê Đình	Giang	02/05/2002	D15CKOTO2	3.40	80		Giỏi	5	5	8,525,000	
529	20810610248	Phạm Quốc	Huy	21/09/2002	D15CKOTO1	3.40	82		Giỏi	5	5	8,525,000	
530	20810000208	Nguyễn Khắc	Hải	18/02/2002	D15CKCTM	3.40	85		Giỏi	5	5	8,525,000	
531	20810000100	Phạm Văn	Hùng	15/11/2002	D15CKCTM	3.40	90		Giỏi	5	5	8,525,000	
532	20810630026	Đinh Hải	Long	15/05/2002	D15CODCT	3.5	90		Giỏi	7	7	8,525,000	
533	20810630075	Nguyễn Văn	Nam	11/06/2002	D15XDDD&CN	3.43	91		Giỏi	7	7	8,525,000	
534	20810630036	Trần Trọng	Khiêm	16/02/2002	D15CODCT	3.29	91		Giỏi	7	7	8,525,000	
535	20810630065	Đặng Tuấn	Minh	13/02/2002	D15XDDD&CN	3.29	88		Giỏi	7	7	8,525,000	
536	20810630044	Phạm Duy	Nam	25/03/2002	D15XDDD&CN	3.29	87		Giỏi	7	7	8,525,000	
537	20810630031	Nguyễn Minh	Hoàng	25/01/2002	D15CODCT	3.14	90		Khá	7	7	7,975,000	
538	20810430149	Mai Đăng	Tuân	24/02/2002	D15CNKTDK	3.50	94		Giỏi	18	18	8,525,000	
539	20810430375	Nguyễn Đình	Hiếu	28/01/2002	D15TDH&DKTBC	3.50	85		Giỏi	18	18	8,525,000	
540	20810430394	Trần Quốc	Thuận	01/02/2001	D15CNKTDK	3.44	90		Giỏi	18	18	8,525,000	
541	20810430382	Lê Đình	Anh	05/05/2002	D15TDH&DKTBC	3.39	82		Giỏi	18	18	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
542	20810430418	Nguyễn Đình	Tuyển	16/08/2002	D15TDH&DKTBC	3.39	85		Giỏi	18	18	8,525,000	
543	20810430261	Phạm Hữu	Trường	24/09/2002	D15TDH&DKTBC	3.33	86		Giỏi	18	18	8,525,000	
544	20810430121	Phạm Tuấn	Anh	10/11/1998	D15TDH&DKTBC	3.33	84		Giỏi	18	18	8,525,000	
545	20810430253	Giáp Xuân	Thưởng	06/01/2000	D15TDH&DKTBC	3.25	85		Giỏi	18	18	8,525,000	
546	20810430384	Nguyễn Phi	Trường	20/09/2001	D15CNKTDK	3.22	85		Giỏi	18	18	8,525,000	
547	20810430362	Vũ Nhật	Linh	12/04/2002	D15TDH&DKTBC	3.19	84		Khá	18	18	7,975,000	
548	20810410094	Nguyễn Quang	Linh	08/09/2002	D15TDH&DKTBC	3.17	90		Khá	18	18	7,975,000	
549	20810410092	Đỗ Trung	Kiên	04/08/2002	D15CNKTDK	3.17	90		Khá	18	18	7,975,000	
550	20810430320	Nguyễn Văn	Nam	08/06/2001	D15TDH&DKTBC	3.17	85		Khá	18	18	7,975,000	
551	20810430365	Chu Đình	Chiều	26/03/2002	D15TDH&DKTBC	3.06	85		Khá	18	18	7,975,000	
552	20810430361	Đào Xuân	Lương	04/05/2001	D15TDH&DKTBC	3.06	85		Khá	18	18	7,975,000	
553	20810410039	Cấn Ngọc	Đạt	26/08/2002	D15THDK&TDH	3.06	87		Khá	18	18	7,975,000	
554	20810430303	Đào Trọng	Đạt	28/12/2002	D15TDH&DKTBC	2.94	91		Khá	18	18	7,975,000	
555	20810430298	Phạm Việt	Hoàng	19/11/2002	D15TDH&DKTBC	2.94	85		Khá	18	18	7,975,000	
556	20810430279	Bùi Văn	Hoàng	29/12/2002	D15TDH&DKTBC	2.89	85		Khá	18	18	7,975,000	
557	20810410100	Nguyễn Tiến	Dũng	18/05/2002	D15CNKTDK	2.89	90		Khá	18	18	7,975,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
558	20810430136	Nguyễn Mạnh	Cường	01/09/2002	D15TDH&DKTBC	2.86	86		Khá	18	18	7,975,000	
559	20810430368	Nguyễn Huy	Hiệp	27/02/2002	D15TDH&DKTBC	2.83	80		Khá	18	18	7,975,000	
560	20810430256	Nguyễn Mạnh	Quân	03/11/2002	D15TDH&DKTBC	2.83	86		Khá	18	18	7,975,000	
561	20810410074	Nguyễn Văn	Lợi	01/03/2002	D15THDK&TDH	2.83	88		Khá	18	18	7,975,000	
562	20810410081	Vũ Phan	Anh	24/01/2002	D15TDH&DKTBC	2.75	80		Khá	18	18	7,975,000	
563	20810430302	Hoàng Việt	Hải	20/06/2002	D15TDH&DKTBC	2.75	85		Khá	18	18	7,975,000	
564	20810430321	Đào Đức	Trung	04/10/1997	D15CNKTDK	2.75	85		Khá	18	18	7,975,000	
565	20810430246	Lư Văn	Hùng	17/12/2002	D15TDH&DKTBC	2.72	85		Khá	18	18	7,975,000	
566	20810430222	Nguyễn Minh	Quân	21/02/2002	D15TDH&DKTBC	2.72	81		Khá	18	18	7,975,000	
567	20810430395	Nguyễn Văn	Sang	20/07/2002	D15TDH&DKTBC	2.69	78		Khá	18	18	7,975,000	
568	20810410109	Đặng Đức	Tín	16/09/2002	D15TDH&DKTBC	2.69	89		Khá	18	18	7,975,000	
569	20810430260	Nguyễn Thành	Công	09/12/2002	D15TDH&DKTBC	2.67	85		Khá	18	18	7,975,000	
570	20810430386	Khuất Đình	Tùng	02/12/2002	D15TDH&DKTBC	2.67	83		Khá	18	18	7,975,000	
571	20810000016	Trần Thị Diệu	Linh	01/03/2002	D15QLMTCN	3.03	96		Khá	16	16	7,975,000	
572	20810000476	Ngô Thị Thúy	Quỳnh	26/01/2002	D15QLMTCN	2.84	82		Khá	16	16	7,975,000	
573	20810000491	Nguyễn Quang	Anh	06/09/2002	D15NLTT	3.26	83		Giỏi	17	17	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
574	20810000365	Mạc Thị Ánh	Nguyệt	12/02/2002	D15NLTT	3.12	87		Khá	17	17	7,975,000	
575	20810340160	Nguyễn Duy	Nam	06/06/2002	D15CNPM3	3.92	90		Xuất sắc	12	12	9,125,000	
576	20810310282	Ngô Anh	Đức	18/07/2002	D15HTTMDT2	3.83	84		Giỏi	12	12	8,525,000	
577	20810310496	Nguyễn Quốc	Đạt	03/04/2002	D15CNPM6	3.83	100		Xuất sắc	12	12	9,125,000	
578	20810310071	Nguyễn Duy	Anh	26/12/1998	D15HTTMDT1	3.83	82		Giỏi	12	12	8,525,000	
579	20810310475	Trần Tuấn	Anh	15/09/2002	D15CNPM5	3.83	85		Giỏi	12	12	8,525,000	
580	20810320119	Vũ Thị	Linh	19/01/2002	D15TTNT&TGMT	3.75	90		Xuất sắc	12	12	9,125,000	
581	20810310388	Bùi Thị Lan	Em	20/11/2002	D15HTTMDT1	3.75	92		Xuất sắc	12	12	9,125,000	
582	20810310405	Trần Hải	Đăng	12/08/2002	D15CNPM4	3.75	82		Giỏi	12	12	8,525,000	
583	20810310042	Trần Hữu Châu	Minh	09/10/1997	D15CNPM1	3.71	95		Xuất sắc	12	12	9,125,000	
584	20810320104	Dương Khánh	Linh	04/11/2002	D15CNPM7	3.67	90		Xuất sắc	12	12	9,125,000	
585	20810310501	Kiều Thị	Huyền	19/10/2002	D15HTTMDT2	3.67	84		Giỏi	12	12	8,525,000	
586	20810310479	Nguyễn Tùng	Lâm	28/09/2002	D15CNPM5	3.67	85		Giỏi	12	12	8,525,000	
587	20810310396	Lê Thị	Hồng	25/08/2002	D15HTTMDT1	3.67	81		Giỏi	12	12	8,525,000	
588	20810310324	Đỗ Thị Thu	Hà	13/02/2002	D15CNPM3	3.63	83		Giỏi	12	12	8,525,000	
589	20810310369	Đỗ Hoài	Giang	19/12/2002	D15CNPM4	3.63	83		Giỏi	12	12	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
590	20810310409	Bùi Văn	Cao	29/01/2002	D15CNPM4	3.58	83		Giỏi	12	12	8,525,000	
591	20810310447	Tạ Hoàng	Hải	28/07/2002	D15CNPM5	3.58	89		Giỏi	12	12	8,525,000	
592	20810310317	Nguyễn Thành	Duy	06/08/2002	D15CNPM3	3.58	80		Giỏi	12	12	8,525,000	
593	20810310402	Nguyễn Văn	Huy	15/06/2002	D15CNPM4	3.58	82		Giỏi	12	12	8,525,000	
594	20810310342	Nguyễn Thị Thùy	Giang	04/03/2002	D15CNPM3	3.58	80		Giỏi	12	12	8,525,000	
595	20810340250	Lê Minh	Tú	26/08/2002	D15CNPM3	3.58	84		Giỏi	12	12	8,525,000	
596	20810310474	Đỗ Vũ	Tài	16/02/2002	D15CNPM5	3.54	87		Giỏi	12	12	8,525,000	
597	20810310555	Nguyễn Thị Kim	Huệ	24/06/2002	D15HTTMDT1	3.54	90		Giỏi	12	12	8,525,000	
598	20810310033	Hoàng Quốc	Khánh	09/02/2002	D15CNPM1	3.54	90		Giỏi	12	12	8,525,000	
599	20810310535	Lê Xuân	Lợi	26/01/2002	D15CNPM6	3.54	100		Giỏi	12	12	8,525,000	
600	20810310460	Nguyễn Thị	Ngà	02/12/2002	D15CNPM5	3.54	86		Giỏi	12	12	8,525,000	
601	20810310432	Đậu Hoàng	Nam	15/11/2002	D15QTANM	3.54	85		Giỏi	12	12	8,525,000	
602	20810310512	Giáp Chí	Công	20/06/2002	D15CNPM6	3.50	100		Giỏi	12	12	8,525,000	
603	20810310331	Nguyễn Hữu	Huân	17/11/2002	D15CNPM3	3.50	85		Giỏi	12	12	8,525,000	
604	20810310522	Nguyễn Thu	Phương	22/12/2002	D15HTTMDT2	3.50	85		Giỏi	12	12	8,525,000	
605	20810310307	Nguyễn Tất	Đạt	10/05/2002	D15CNPM3	3.50	80		Giỏi	12	12	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
606	20810310298	Phan Tiến	Huy	21/09/2002	D15CNPM2	3.50	82		Giỏi	12	12	8,525,000	
607	20810310283	Nguyễn Tiểu	Bảo	20/06/2002	D15CNPM2	3.50	75		Khá	12	12	7,975,000	
608	20810310313	Đỗ Chí	Đức	09/04/2002	D15CNPM3	3.50	84		Giỏi	12	12	8,525,000	
609	20810310262	Nguyễn Đức	Anh	18/10/2002	D15CNPM2	3.50	82		Giỏi	12	12	8,525,000	
610	20810310264	Nguyễn Văn	Cường	14/12/2002	D15CNPM2	3.46	80		Giỏi	12	12	8,525,000	
611	20810310354	Trần Quốc	Việt	28/11/2002	D15CNPM3	3.46	84		Giỏi	12	12	8,525,000	
612	20810310513	Nguyễn Minh	Đức	24/07/2002	D15CNPM6	3.42	95		Giỏi	12	12	8,525,000	
613	20810310563	Trần Quang	Đạt	27/11/2002	D15CNPM6	3.42	95		Giỏi	12	12	8,525,000	
614	20810310293	Tạ Thị	Chinh	18/09/2002	D15CNPM2	3.42	95		Giỏi	12	12	8,525,000	
615	20810320137	Tạ Quang	Đạt	26/05/2002	D15CNPM7	3.42	90		Giỏi	12	12	8,525,000	
616	20810340175	Đoàn Thị Bích	Diệp	27/03/2002	D15CNPM6	3.42	90		Giỏi	12	12	8,525,000	
617	20810320121	Trần Văn	Hoàn	23/11/2002	D15CNPM7	3.42	90		Giỏi	12	12	8,525,000	
618	20810810065	Nguyễn Thị Phương	Linh	05/12/2002	D15KTDN2	3.86	90		Xuất sắc	7	7	8,150,000	
619	20810810118	Bùi Thục	Anh	31/10/2002	D15KTDN1	3.57	85		Giỏi	7	7	7,650,000	
620	20810810071	Nguyễn Thị Nam	Phương	15/07/2002	D15KTDN2	3.57	82		Giỏi	7	7	7,650,000	
621	20810810171	Nguyễn Thị Thu	Hồng	14/02/2002	D15KTDN2	3.57	89		Giỏi	7	7	7,650,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
622	20810810169	Lê Thị Quỳnh	Mai	22/09/2002	D15KTDN2	3.57	90		Giỏi	7	7	7,650,000	
623	20810810103	Cao Thị	Thúy	15/08/2001	D15KTDN2	3.5	85		Giỏi	7	7	7,650,000	
624	20810810086	Nguyễn Khánh	Huyền	28/06/2002	D15KTDN2	3.43	84		Giỏi	7	7	7,650,000	
625	20810810088	Dương Thu	Thảo	04/12/2002	D15KTDN2	3.36	84		Giỏi	7	7	7,650,000	
626	20810830215	Trần Thu	Hiền	12/11/2002	D15KTDN3	3.36	90		Giỏi	7	7	7,650,000	
627	20810810172	Nguyễn Huyền Khánh	Ly	09/11/2002	D15KTDN2	3.29	89		Giỏi	7	7	7,650,000	
628	20810830232	Phan Uyên	Linh	03/08/2002	D15KTDN3	3.29	94		Giỏi	7	7	7,650,000	
629	20810810136	Nguyễn Ích	Hà	07/06/2002	D15KTDN2	3.29	90		Giỏi	7	7	7,650,000	
630	20810810128	Nguyễn Bích	Lệ	14/09/2002	D15KTDN2	3.29	88		Giỏi	7	7	7,650,000	
631	20810810109	Vũ Thị Thu	Hiền	03/08/2002	D15KTDN1	3.29	85		Giỏi	7	7	7,650,000	
632	20810810018	Hồ Thu Yến	Nhi	25/05/2002	D15KTDN1	3.29	85		Giỏi	7	7	7,650,000	
633	20810810083	Thái Thị Phương	Liên	25/03/2002	D15KTDN2	3.29	85		Giỏi	7	7	7,650,000	
634	20810810101	Nguyễn Thị Kim	Huế	17/12/2002	D15KTDN1	3.29	81		Giỏi	7	7	7,650,000	
635	20810810054	Trần Phương	Thảo	11/03/2002	D15KTDN1	3.21	90		Giỏi	7	7	7,650,000	
636	20810850036	Lưu Quỳnh	Duyên	11/03/2002	D15KIEMTOAN1	3.71	77		Khá	7	7	7,150,000	
637	20810850031	Nguyễn Thanh	Huyền	20/12/2002	D15KIEMTOAN1	3.57	75		Khá	7	7	7,150,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
638	20810850054	Đào Thanh	Hiền	12/01/2002	D15KIEMTOAN1	3.43	84		Giỏi	7	7	7,650,000	
639	20810850070	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21/02/2002	D15KIEMTOAN2	3.43	83		Giỏi	7	7	7,650,000	
640	20810850089	Nguyễn Hà	Thu	11/07/2002	D15KIEMTOAN2	3.43	85		Giỏi	7	7	7,650,000	
641	20810850071	Trịnh Thị	Tâm	20/06/2002	D15KIEMTOAN2	3.43	80		Giỏi	7	7	7,650,000	
642	20810850060	Nguyễn Thị Hà	Liên	29/03/2002	D15KIEMTOAN1	3.36	81		Giỏi	7	7	7,650,000	
643	20819110082	Lê Ngọc	Hoành	01/08/2002	D15DIENLANH2	3.41	84		Giỏi	17	17	8,525,000	
644	20819110059	Nguyễn Thị	Trang	13/09/2002	D15NHIETDIEN	3.35	95		Giỏi	17	17	8,525,000	
645	20819110070	Nguyễn Đăng	Huỳnh	26/06/2002	D15NHIETDIEN	3.32	88		Giỏi	17	17	8,525,000	
646	20819110100	Lê Văn	Đức	16/07/2002	D15DIENLANH1	3.29	93		Giỏi	17	17	8,525,000	
647	20819110107	Vũ Phương	Hà	27/06/2002	D15NHIETDIEN	3.24	87		Giỏi	17	17	8,525,000	
648	20819110089	Nguyễn Hai	Giáp	24/03/2002	D15DIENLANH1	3.21	81		Giỏi	17	17	8,525,000	
649	20819110072	Chu Bá	Huy	15/06/2002	D15DIENLANH2	3.18	88		Khá	17	17	7,975,000	
650	20819110086	Đinh Hoàng	Long	26/05/2002	D15DIENLANH2	3.18	84		Khá	17	17	7,975,000	
651	20819110085	Lưu Thế	Quân	03/06/2002	D15DIENLANH2	3.12	89		Khá	17	17	7,975,000	
652	20810230146	Nguyễn Văn	Thạo	28/04/2002	D15LOGISTICS3	3.34	83		Giỏi	16	16	8,525,000	
653	20810230065	Phùng Thị Thùy	Dung	07/07/2002	D15LOGISTICS2	3.33	83		Giỏi	15	15	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
654	20810230091	Đoàn Thiết	Hùng	29/04/2002	D15LOGISTICS2	3.27	82		Giỏi	15	15	8,525,000	
655	20810230152	Nghiêm Thị Thu	Trang	18/08/2002	D15LOGISTICS3	3.27	86		Giỏi	15	15	8,525,000	
656	20810230048	Vũ Thị	Trang	22/11/2002	D15LOGISTICS1	3.23	88		Giỏi	15	15	8,525,000	
657	20810230050	Trần Hoài	Anh	02/09/2002	D15LOGISTICS1	3.20	90		Giỏi	15	15	8,525,000	
658	20810230098	Nguyễn Thị	Loan	06/10/2002	D15LOGISTICS2	3.20	86		Giỏi	15	15	8,525,000	
659	20810230115	Hà Thị Thanh	Lan	20/06/2002	D15LOGISTICS2	3.20	80		Giỏi	15	15	8,525,000	
660	20810230089	Nguyễn Thị Thu	Phương	28/11/2002	D15LOGISTICS2	3.17	83		Khá	15	15	7,975,000	
661	20810230049	Nguyễn Thị	Tâm	05/08/2002	D15LOGISTICS1	3.13	81		Khá	15	15	7,975,000	
662	20810230059	Phạm Phú	Toàn	14/10/2000	D15LOGISTICS1	3.10	86		Khá	15	15	7,975,000	
663	20810230060	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	08/12/2002	D15LOGISTICS1	3.10	88		Khá	15	15	7,975,000	
664	20810000458	Nguyễn Thị	Hồng	27/07/2001	D15QLSX&TN	3.63	87		Giỏi	15	15	8,525,000	
665	20810000510	Mai Thị	Phượng	09/03/2002	D15QLSX&TN	3.53	81		Giỏi	15	15	8,525,000	
666	20810000387	Trần Thanh	Quý	26/08/2002	D15QLSX&TN	3.47	82		Giỏi	15	15	8,525,000	
667	20810000500	Nguyễn Thị	Lành	08/12/2002	D15QLDT&KH	3.37	86		Giỏi	15	15	8,525,000	
668	20810000461	Nguyễn Thành	Vinh	26/08/2002	D15QLDT&KH	3.30	77		Khá	15	15	7,975,000	
669	20810000212	Phí Nguyễn Quỳnh	Anh	16/12/2002	D15KTNL	3.33	90		Giỏi	15	15	8,525,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
670	20810000437	Lã Mạnh	Dũng	05/05/2002	D15KTNL	2.93	91		Khá	15	15	7,975,000	
671	20810000487	Đinh Xuân	Chiến	31/08/2002	D15KTNL	2.87	73		Khá	15	15	7,975,000	
672	20810000415	Đặng Thị	Ngoan	17/02/2002	D15KTNL	2.83	83		Khá	15	15	7,975,000	
673	20810000398	Nguyễn Thị Thanh	Vy	08/07/2002	D15QTDVDL&LH	3.71	76		Khá	7	7	7,150,000	
674	20810000350	Nguyễn Phương	Anh	23/09/2002	D15QTDVDL&LH	3.57	90		Giỏi	7	7	7,650,000	
675	20810000490	Đỗ Thị Thanh	Loan	24/10/2002	D15QTDVDL&LH	3.57	90		Giỏi	7	7	7,650,000	
676	20810000133	Khương Thị	Lành	17/06/2002	D15QTDVDL&LH	3.57	71		Khá	7	7	7,150,000	
677	20810000457	Trần Thị Huyền	Trang	03/11/2002	D15QTDVDL&LH	3.43	76		Khá	7	7	7,150,000	
678	20810000438	Lê Thu	Quỳnh	05/12/2002	D15QTDVDL&LH	3.43	75		Khá	7	7	7,150,000	
679	20810720015	Nguyễn Ngọc Tuấn	Minh	16/02/2000	D15QTDN5	3.64	93		Xuất sắc	14	14	8,150,000	
680	20810710223	Trần Thị Quỳnh	Anh	05/08/2002	D15QTDN3	3.57	85		Giỏi	7	7	7,650,000	
681	20810710183	Đỗ Ngọc	Tuấn	12/01/2002	D15QTDN3	3.50	86		Giỏi	7	7	7,650,000	
682	20810720028	Nguyễn Nam	Khánh	07/01/2001	D15QTDN5	3.43	81		Giỏi	14	14	7,650,000	
683	20810710225	Nguyễn Mai	Anh	11/07/2002	D15QTDN3	3.43	92		Giỏi	7	7	7,650,000	
684	20810710185	Trần Thị Ngọc	Linh	22/01/2002	D15QTDN3	3.43	86		Giỏi	7	7	7,650,000	
685	20810710206	Nguyễn Hoàng	Huy	07/04/2002	D15QTDN3	3.43	88		Giỏi	7	7	7,650,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
686	20810720008	Nguyễn Anh	Đức	30/11/2000	D15QTDN4	3.43	78		Khá	7	7	7,150,000	
687	20810710171	Nguyễn Thu	Huyền	30/11/2002	D15QTDN5	3.36	83		Giỏi	14	14	7,650,000	
688	20810710122	Mai Thị	Hoài	10/07/2001	D15QTDN2	3.36	92		Giỏi	7	7	7,650,000	
689	20810710111	Tạ Thị	Quỳnh	30/04/2002	D15QTDN1	3.29	88		Giỏi	7	7	7,650,000	
690	20810710165	Lê Đức	Mạnh	11/03/2002	D15QTDN2	3.29	86		Giỏi	7	7	7,650,000	
691	20810710074	Trần Thị	Điệp	11/12/2002	D15QTDN1	3.29	88		Giỏi	7	7	7,650,000	
692	20810710198	Võ Văn	Cường	02/11/2002	D15QTDN3	3.29	80		Giỏi	7	7	7,650,000	
693	20810710066	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	08/07/2001	D15QTDN1	3.21	91		Giỏi	7	7	7,650,000	
694	20810710246	Ngô Đức	Thành	11/02/2002	D15QTDN1	3.14	87		Khá	7	7	7,150,000	
695	20810710166	Nguyễn Hồ Bảo	Ngọc	20/06/2002	D15QTDN2	3.14	86		Khá	7	7	7,150,000	
696	20810710159	Hồ Thị Hải	Yến	23/09/2002	D15QTDN2	3.14	86		Khá	7	7	7,150,000	
697	20810000315	Nguyễn Văn	Tuấn	05/06/2002	D15QTDN3	3.14	86		Khá	7	7	7,150,000	
698	20810710126	Vũ Thị Linh	Nhâm	06/05/2002	D15QTDN2	3.14	86		Khá	7	7	7,150,000	
699	20810710232	Hoàng	Khải	10/01/2002	D15QTDLKS	3.14	85		Khá	7	7	7,150,000	
700	20810710224	Lê Thu	Quyên	24/08/2002	D15QTDN3	3.14	84		Khá	7	7	7,150,000	
701	20810710123	Nguyễn Trung	Kiên	08/10/2002	D15QTDN2	3.14	84		Khá	7	7	7,150,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
702	20810820142	Nguyễn Thị Lan	Hương	05/11/2002	D15TCDN2	3.71	85		Giỏi	7	7	7,650,000	
703	20810820081	Nguyễn Quang Gia	Tường	28/10/2002	D15NGANHANG	3.71	83		Giỏi	7	7	7,650,000	
704	20810840149	Phạm Thị Hồng	Nga	14/02/2001	D15TCDN1	3.57	80		Giỏi	7	7	7,650,000	
705	20810840029	Vũ Thảo	Linh	06/02/2002	D15NGANHANG	3.43	85		Giỏi	7	7	7,650,000	
706	20810820069	Trần Thị Minh	Anh	29/06/2002	D15TCDN1	3.43	82		Giỏi	7	7	7,650,000	
707	20810820053	Nguyễn Đình Duy	Minh	20/09/2002	D15TCDN1	3.43	85		Giỏi	7	7	7,650,000	
708	20810820083	Nguyễn Văn	Doanh	07/11/2002	D15NGANHANG	3.43	81		Giỏi	7	7	7,650,000	
709	20810820120	Vũ Thị Thanh	Tuyền	27/11/2002	D15TCDN2	3.43	80		Giỏi	7	7	7,650,000	
710	20810820100	Phùng Thị Huyền	Nga	06/02/2002	D15TCDN2	3.43	90		Giỏi	7	7	7,650,000	
711	20810820059	Nguyễn Quỳnh	Trang	16/02/2002	D15TCDN1	3.29	87		Giỏi	7	7	7,650,000	
712	20810820064	Nguyễn Minh	Thông	15/01/2002	D15TCDN1	3.29	87		Giỏi	7	7	7,650,000	
713	20810000141	Đào Thị Hồng	Lý	10/08/2002	D15KDTMTT2	3.57	85		Giỏi	7	7	7,650,000	
714	20810000115	Vũ Hồng	Thắm	19/08/2002	D15KDTMTT2	3.57	94		Giỏi	7	7	7,650,000	
715	20810000174	Ngô Trung	Kiên	18/01/2002	D15KDTMTT2	3.57	84		Giỏi	7	7	7,650,000	
716	20810000344	Ngô Thanh	Hoài	13/09/2002	D15KDTMTT2	3.43	85		Giỏi	7	7	7,650,000	
717	20810000165	Đinh Khắc	Khánh	01/01/2002	D15KDTMTT2	3.43	86		Giỏi	7	7	7,650,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
718	20810000140	Đặng Vân	Hồng	15/12/2002	D15KDTMTT1	3.43	85		Giỏi	7	7	7,650,000	
719	20810000157	Nguyễn Quang	Huy	08/02/2002	D15KDTMTT2	3.43	80		Giỏi	7	7	7,650,000	
720	20810000089	Hoàng Thị	Trang	20/09/2002	D15KDTMTT1	3.29	89		Giỏi	7	7	7,650,000	
721	20810000127	Bùi Trà	Giang	08/03/2002	D15KDTMTT1	3.29	87		Giỏi	7	7	7,650,000	
722	20810000131	Nguyễn Thu	Hà	06/06/2002	D15KDTMTT2	3.29	86		Giỏi	7	7	7,650,000	
723	20810000255	Lê Minh	Quân	11/12/2002	D15KTDT	3.58	80		Giỏi	12	12	8,525,000	
724	20810540044	Trần Thị	Thảo	17/11/1996	D15DTVT	3.54	82		Giỏi	12	12	8,525,000	
725	20810540058	Nguyễn Thị Mai	Phương	09/06/2002	D15DTVT	3.25	78		Khá	12	12	7,975,000	
726	20810000290	Lê Văn	Quý	28/12/2002	D15DTVT	3.04	79		Khá	12	12	7,975,000	
727	20810510100	Trương Duy	Hải	28/01/1994	D15DT&KTMT	3.00	80		Khá	12	12	7,975,000	
728	20810510078	Trần Hoàng	Đạt	29/07/2002	D15DTVT	3.00	85		Khá	12	12	7,975,000	
729	20810540331	Lê Văn	Đạt	31/01/2002	D15DTVT	2.96	85		Khá	12	12	7,975,000	
730	20810510085	Nguyễn Anh	Minh	18/05/2000	D15TBDTYT	2.96	80		Khá	12	12	7,975,000	
731	20810510072	Tạ Xuân	Minh	20/05/2002	D15KTDT	2.83	80		Khá	12	12	7,975,000	
732	20810510093	Nguyễn Văn	Hùng	14/06/2002	D15DTVT	2.83	85		Khá	12	12	7,975,000	
733	20810540055	Chu Đức	Việt	15/12/2002	D15KTDT	2.83	80		Khá	12	12	7,975,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ký nhận
734	20810510111	Nguyễn Công Hải	Đường	27/02/2002	D15DTVT	2.79	80		Khá	12	12	7,975,000	
735	20810540021	Nguyễn Thị	Hoa	21/12/2002	D15DTVT	2.79	79		Khá	14	14	7,975,000	
736	20810540015	Nguyễn Thành	Công	21/04/2000	D15DT&KTMT	2.75	80		Khá	12	12	7,975,000	
737	20810510077	Phạm Minh	Quang	20/12/2002	D15DTVT	2.75	85		Khá	12	12	7,975,000	
738	20810510122	Nguyễn Bá	Khánh	09/07/2002	D15DT&KTMT	2.75	81		Khá	12	12	7,975,000	
Tổng tiền												**6,050,700,000**	

Q. Hiệu trưởng	Phòng KHTC	Phòng CTSV	Người lập biểu
Đinh Văn Châu	Nguyễn Đàm Minh Thông	Nguyễn Đăng Toản	Trịnh Thị Hoàng